VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG AN

Thông tư số 08/2025/TT-BCA ngày 05 tháng 02 năm 2025 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

(Tiếp theo Công báo số 349 + 350)

2.2.6. Giáo dục, nghiên cứu

2.2.6.1. Nghiên cứu và phát triển KHCN

2.2.6.1.1. Cấu trúc dữ liệu

2.2.6.1.1.1. Công bố khoa học và công nghệ, sáng chế và giải pháp hữu ích: KhoaHocCNSangCheGP

Tên cấu trúc: KhoaHocCNSangCheGP

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu côn g bố khoa học và công nghệ, sáng chế và giải pháp hữu ích của cá nhân.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc/kiểu dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	*2.2.1.1.1.1*	Thông tin cơ bản của công dân
LoaiCongBo	1	LoaiCongBo (T)	2.2.6.1.2.1	Loại công bố
TenCongBo	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên sách chuyên khảo hoặc tên bài báo hoặc bài tham gia kỷ yếu hội nghị, hội thảo được công bố.

2.2.6.1.1.2. Nhiệm vụ khoa học công nghệ: NhiemVuKHCN

Tên cấu trúc: NhiemVuKHCN

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu nhiệm vụ khoa học công nghệ của cá nhân.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Thông tin cơ bản của công dân
TenNhiemVu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên thông tin về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã chủ trì, tham gia nghiên cứu.
VaiTroThamGia	1	VaiTroThamGia (T)	2.2.6.1.2.2	Vai trò tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ được gán mã như sau: - Mã CN: Chủ nhiệm - Mã TV: Thành viên chính
ThoiGianBD	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Năm bắt đầu
ThoiGianKT	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Năm kết thúc

2.2.6.1.1.3. Tham gia hoạt động khoa học công nghệ: ThamGiaHoatDongKHCN

Tên cấu trúc: ThamGiaHoatDongKHCN

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu tham gia hoạt động khoa học công nghệ của cá nhân

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc(S)/kiểu(T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	*2.2.1.1.1.1*	Thông tin cơ bản của công dân

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc(S)/kiểu(T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDCanBoKHCN	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Thông tin về mã định danh điện tử của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được quy định cụ thể lại khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 05/2021/TT-BKHCN
ChucDanhKHCN	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Chức danh khoa học công nghệ
Nam	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Năm được phong chức danh
LinhVucNghienCuu KHCN	1	LinhVucNghienCuu KHCN (T)	2.2.6.1.2.3	Lĩnh vực nghiên cứu khoa học công nghệ

2.2.6.1.2. Cấu trúc dữ liệu và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.2.6.1.2.1. LoaiCongBo

Mô tả: Kiểu chuỗi ký, nhận các giá trị theo danh mục loại công bố.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.78.

2.2.6.1.2.2. VaiTroThamGia

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục vai trò tham gia nghiên cứu khoa học.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.79.

2.2.6.1.2.3. LinhVucNghienCuuKHCN

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục lĩnh vực nghiên cứu khoa học công nghệ.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.80.

2.2.6.2. Thông tin về giáo dục, đào tạo

2.2.6.2.1. Cấu trúc dữ liệu

2.2.6.2.1.1. Thông tin học tập từ mầm non đến THPT: ThongTinHocTapPT

Tên cấu trúc: ThongTinHocTapPT

Mô tả: Cấu trúc mô tả thông tin học tập từ mầm non đến THPT và cả Giáo dục thường xuyên của cá nhân.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Thông tin cơ bản của công dân
MaTruong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã trường
MaKhoi	1	DMKhoi (T)	2.2.6.2.2.5	Mã khối
MaLop	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã lớp
MaHocSinh	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã học sinh
MaTrangThai HienTai	1	DMTrangThaiHocSinh (T)	2.2.6.2.2.8	Trạng thái hiện tại
MaLyDoThoiHoc	0..1	DMLyDoThoiHoc (T)	2.2.6.2.2.6	Lý do thôi học
CoDoiVien	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Là đội viên
CoDoanVien	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Là đoàn viên
CoHocSinhTieng DanToc	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Học sinh tiếng dân tộc
CoHoc2Buoi	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Học 2 buổi và áp dụng với cấp Mầm non
CoHocSongNgu	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Học song ngữ
CoKyNangSong	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Kỹ năng sống
CoHocSinhBanTru DanNuoi	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Học sinh bán trú dân nuôi
CoHocSinhNoiTru DanNuoi	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Học sinh nội trú dân nuôi

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CoHocSinhLopBanTru	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Học sinh lớp bán trú
CoKhuyetTatKhongDanhGia	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Khuyết tật không đánh giá
CoHocSinhPTDanTocBanTru	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Học sinh phổ thông dân tộc bán trú
CoNhuCauHoTroNgoaiNgu	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Nhu cầu hỗ ngoại ngữ
CoTangCuongTiengViet	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Tăng cường tiếng việt
CoHocSinhDanTocTroGiang	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Học sinh dân tộc trợ giảng
MaDienChinhSach	0..1	DMDienChinhSach (T)	2.2.6.2.2.10	Diện chính sách
CoLuuBanNamTruoc	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Lưu ban năm trước
MaHinhThucHocTap	0..1	DMHinhThucHocTap (T)	2.2.6.2.2.4	Mã hình thức học tập
CoHocLopMG5T	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Học mẫu giáo 5 tuổi
CoHocCTGDCuaBo	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Học chương trình giáo dục của bộ
MaHocBanTru	0..1	DMHocBanTru (T)	2.2.6.2.2.16	Mã học bán trú
MaSoBuoiHocTrenTuan	0..1	DMSoBuoiHocTrenTuan (T)	2.2.6.2.2.7	Số buổi học/tuần và áp dụng với cấp Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông
CapNhatKhenThuong	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Có cập nhật khen thưởng

2.2.6.2.1.2. Thông tin học sinh, sinh viên, học viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: GiaoDucNgheNghiep

Tên cấu trúc: GiaoDucNgheNghiep

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu của thông tin học sinh, sinh viên, học sinh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	*2.2.1.1.1.1*	Thông tin cơ bản của công dân
MaCoSoGDNN	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã cơ sở giáo dục nghề nghiệp
TenCoSoGDNN	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp
SoTheHSSV	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số thẻ học viên
ThoiDiemCapThe	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời điểm cấp thẻ
HinhThucDT	1	HinhThucDaoTao GDNN (T)	2.2.6.2.2.12	Hình thức đào tạo
TrinhDoDT	1	TrinhDoDaoTao GDNN (T)	2.2.6.2.2.13	Trình độ đào tạo
NganhDaoTao	1	NganhDaoTao (T)	2.6.2.14	Mã ngành đào tạo
MaLinhVucDT	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã lĩnh vực đào tạo
MaNhom NganhDT	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã nhóm ngành, nghề đào tạo GDNN (Cấp III)
MaTen NganhDT	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã tên gành, nghề đào tạo GDNN (Cấp IV)
PhuongThucDaoTao	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Phương thức đào tạo
DiemXepLoaiTN	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Điểm xếp loại tốt nghiệp
ThoiGianTN	0..1	Số thập phân (T)	0	Thời gian tốt nghiệp
ThoiGianDaoTao	1	Số thập phân (T)	0	Thời gian đào tạo (tháng)

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TinhTrang	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tình trạng học viên: tuyển mới, tốt nghiệp
DoiTuongChinhSach	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Đối tượng chính sách
DoiTuongUuTien	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Đối tượng ưu tiên

2.2.6.2.1.3.Kết quả học tập từ mầm non đến THPT: KetQuaHocTapPT

Tên cấu trúc: KetQuaHocTapPT

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu kết quả học tập từ mầm non đến THPT và cả Giáo dục thường xuyên.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	*2.2.1.1.1.1*	Thông tin cơ bản của công dân
MaTruong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã trường
MaKhoi	1	DMKhoi (T)	2.2.6.2.2.5	Mã khối
MaLop	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã lớp
MaHocSinh	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã học sinh
HocKy	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Học kỳ
DiemTongKet	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Điểm tổng kết
KetQuaHocTapCN	1	DMKetQuaHocTap (T)	2.2.6.2.2.3	Kết quả học tập
DGKetQuaRen LuyenCN	1	DMKetQuaRenLuyen (T)	2.2.6.2.2.2	Kết quả rèn luyện
MaDanhHieu	0..1	DMDanhHieu (T)	2.2.6.2.2.1	Mã danh hiệu
SoNgayNghi	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số ngày nghỉ
NhanXet	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nhận xét
KhenThuong	0..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Khen thưởng học sinh
KyLuat	0..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Kỷ luật học sinh
CoLenLop	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Được lên lớp
CoRenLuyenLai	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Rèn luyện lại
DiemMon	1	DiemMon (S)	2.2.6.2.2.15	Danh sách điểm môn

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CoDuXetTotNghiep	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Được dự xét tốt nghiệp
CoThiSinhTuDo	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Là thí sinh tự do
CoLoaiTotNghiep	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Loại tốt nghiệp
MaLoaiTotNghiep	0..1	DMTotNghiep (T)	2.2.5.5.2.1	Mã loại tốt nghiệp
CoTotNghiep	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Tốt nghiệp
CoMien	0..1	Kiểu nhị phân (T)	0	Miễn thi
CoDacCach	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Đặc cách
CoHoanThanh ChuongTrinh	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Hoàn thành chương trình (Dùng cho Mầm non hoặc cấp (Tiểu học)

2.2.6.2.1.4. Quá trình học tập, nghiên cứu của sinh viên, học viên: QuaTrinhHocTapDH

Tên cấu trúc: QuaTrinhHocTapDH

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu về quá trình học tập nghiên cứu của sinh viên, học viên.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	*2.2.1.1.1.1*	Thông tin cơ bản của công dân
CoSoDaoTao	1	CoSoDaoTao (T)	2.2.5.5.2.2	Đơn vị (Cơ sở đào tạo)
DoiTuongDauVao	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Đối tượng đầu vào: Đối với đại học: Cử tuyển, Tốt nghiệp THPT, Tốt nghiệp trung cấp, Tốt nghiệp cao đẳng, Tốt nghiệp đại học; Đối với thạc sĩ: Tốt nghiệp THPT, đại học; Đối với nghiên cứu sinh: Cử nhân, Specilist, thạc sĩ

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
ChuongTrinhDaoTao	0..1	Chuỗi ký tự(T)	0	Mã Chương trình đào tạo
MaHinhThucDaoTao	0..1	HinhThucDaoTao (T)	2.6.2.15	Mã Hình thức đào tạo
MaNganh	0..1	NganhDaoTao (T)	2.6.2.14	Mã ngành đào tạo
Khoa	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Khoa
KhoaHoc	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Khóa học
LopSinhHoat	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Lớp sinh hoạt/Lớp niên chế
MaHocVien	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã học viên
BangTotNghiepLienThong	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Bằng tốt nghiệp liên thông
KetQuaTuyenSinh	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Kết quả tuyển sinh
MaTrangThai	0..1	DMTrangThaiHocVien (T)	2.2.6.2.2.9	Mã Trạng thái học
NgayChuyenTrangThai	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày chuyển trạng thái
QuyetDinhNhapHoc	0..1	QuyetDinh (S)	2.6.1.4	Quyết định nhập học
TenLuanAn	0..1	Chuỗi ký tự(T)	0	Tên luận văn/luận án
QuyetDinhTotNghiep	0..1	QuyetDinh (S)	2.6.1.4	Quyết định tốt nghiệp
QuyetDinhHocVi	0..1	QuyetDinh (S)	2.6.1.4	Quyết định công nhận học vị tiến sĩ/thạc sĩ

2.2.6.2.1.5. Thông tin hỗ trợ học tập: HoTroHocTap

Tên cấu trúc: HoTroHocTap

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu về thông tin hỗ trợ học tập cho cá nhân.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	*2.2.1.1.1.1*	Thông tin cơ bản của công dân
CoCapGao	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Cấp gạo
CoCapTienHangThang	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Cấp tiền hàng tháng

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDienChinhSach	0..1	DMDienChinhSach (T)	2.2.6.2.2.10	Diện chính sách
CoGiamHocPhi	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Giảm học phí
CoHoTroAnTrua	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Hỗ trợ ăn trưa
CoHoTroChiPhiHocTap	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Hỗ trợ chi phí học tập
CoHoTroNhaO	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Hỗ trợ nhà ở
CoMienHocPhi	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Miễn học phí
MaVungKhoKhan	0..1	DMVungKhoKhan (T)	2.2.6.2.2.11	Vùng khó khăn
ThoiGianHuongBD	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời gian bắt đầu hưởng hỗ trợ
ThoiGianHuongKT	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời gian kết thúc hưởng hỗ trợ

2.2.6.2.1.6. Thông tin văn bằng giáo dục nghề nghiệp: VanBangGDNN

Tên cấu trúc: VanBangGDNN

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu về thông tin văn bằng, chứng chỉ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	*2.2.1.1.1.1*	Thông tin cơ bản của công dân
NamTN	1	Nam (T)	2.6.2.11	Năm tốt nghiệp
XepLoaiTN	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Xếp loại tốt nghiệp
SoQDCongNhanTN	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số quyết định công nhận tốt nghiệp
NgayQDCongNhanTN	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày tháng năm của quyết định công nhận tốt nghiệp

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
NgayCapBangTN	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày tháng năm cấp bằng tốt nghiệp
SoHieuBangTN	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số hiệu bằng tốt nghiệp
SoVaoSoGoc	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp
TenCSDTGDNN	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên cơ sở đào tạo lúc cấp văn bằng tốt nghiệp

2.2.6.2.1.7. Thông tin đạt giải kỳ thi học sinh giỏi: HocSinhGioiPT

Tên cấu trúc: HocSinhGioiPT

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu về thông tin đạt giải kỳ thi học sinh giỏi của học sinh.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	*2.2.1.1.1.1*	Thông tin cơ bản của công dân
HangGiai	1	HangGiaiHSG (T)	2.2.6.2.2.17	Danh mục hạng giải
MonThi	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Môn thi
CapThi	1	CapThiHSG (T)	2.2.6.2.2.18	Danh mục cấp thi
Lop	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Lớp 1-12
Nam	1	Nam (T)	2.6.2.11	Năm đạt giải
NoiThi	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên địa phương nơi học sinh thi học sinh giỏi

2.2.6.2.2. Cấu trúc dữ liệu và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.2.6.2.2.1. DMDanhHieu

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục danh hiệu.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.81.

2.2.6.2.2.2. DMKetQuaRenLuyen

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục kết quả rèn luyện.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.82.

2.2.6.2.2.3. DMKetQuaHocTap

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục kết quả học tập.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.83.

2.2.6.2.2.4. DMHinhThucHocTap

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục hình thức học tập.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.84.

2.2.6.2.2.5. DMKhoi

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục khối.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.85.

2.2.6.2.2.6. DMLyDoThoiHoc

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục lý do thôi học.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.86.

2.2.6.2.2.7. DMSoBuoiHocTrenTuan

Mô tả: Kiểu chuỗi ký, nhận các giá trị theo danh mục số buổi học trên tuần.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.87.

2.2.6.2.2.8. DMTrangThaiHocSinh

Mô tả: Kiểu chuỗi ký, nhận các giá trị theo danh mục trạng thái học sinh.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.88.

2.2.6.2.2.9. DMTrangThaiHocVien

Mô tả: Kiểu chuỗi ký, nhận các giá trị theo danh mục trạng thái học viên.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.89.

2.2.6.2.2.10. DMDienChinhSach

Mô tả: Kiểu chuỗi ký, nhận các giá trị theo danh mục diện chính sách.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.90.

2.2.6.2.2.11. DMVungKhoKhan

Mô tả: Kiểu chuỗi ký, nhận các giá trị theo danh mục vùng khó khăn.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.91.

2.2.6.2.2.12. HinhThucDaoTaoGDNN

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục hình thức đào tạo giáo dục nghề nghiệp.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.92.

2.2.6.2.2.13. TrinhDoDaoTaoGDNN

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục trình độ đào tạo giáo dục nghề nghiệp.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.93.

2.2.6.2.2.14. DMMonHoc

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục môn học

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.94.

2.2.6.2.2.15. DiemMon

Mô tả cấu trúc điểm môn học

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaMonHoc	1	DMMonHoc (T)	2.2.6.2.2.14	Mã môn học
Diem	1	Số thập phân (T)	0	Điểm

2.2.6.2.2.16. DMHocBanTru

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục học bán trú.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.95

2.2.6.2.2.17. HangGiaiHSG

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục hạng giải học sinh giỏi.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.96

2.2.6.2.2.18. CapThiHSG

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục cấp thi học sinh giỏi.
Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.97

2.2.7. Y tế và sức khỏe

2.2.7.1. Thông tin khám chữa bệnh

2.2.7.1.1. Cấu trúc dữ liệu

2.2.7.1.1.1. Thông tin tổng hợp khám, chữa bệnh: HoSoKCB

Tên cấu trúc: HoSoKCB

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu tổng hợp khám, chữa bệnh của bệnh nhân.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Thông tin cơ bản của người bệnh
MaLK	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đợt điều trị
MaBN	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã bệnh nhân
LyDoKCB	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Lý do khám chữa bệnh
LyDoVaoNoiTru	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Lý do vào nội trú
MaLyDoVaoNoiTru	0..1	LyDoVaoNoiTru (T)	2.2.7.1.2.2	Danh mục mã lý do vào điều trị nội trú
ChanDoanVao	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Chẩn đoán sơ bộ của cơ sở KBCB ở thời điểm tiếp nhận người bệnh
ChanDoanRV	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Chẩn đoán ra viện
MaBenhChinh	1	MaBenh (T)	2.2.7.1.2.8	Danh mục mã bệnh (Mã bệnh chính theo mã ICD-10 do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành)
MaBenhKT	0..n	MaBenh (T)	2.2.7.1.2.8	Danh mục mã bệnh (Mã bệnh chính theo mã ICD-10 do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành)
MaBenhYHCT	0..n	MaBenhYHCT (T)	2.2.7.1.2.9	Danh mục mã bệnh y học cổ truyền
MaPTTTQT	0..n	MaPTTT (T)	2.2.7.1.2.18	Danh mục mã phẫu thuật, thủ thuật quốc tế ICD-9 CM
MaDoiTuongKCB	1	MaDoiTuongKCB (T)	2.2.7.1.2.10	Danh mục mã đối tượng khám chữa bệnh

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaNoiDi	0..1	MaCSKCB (T)	2.6.2.20	Mã cơ sở khám chữa bệnh nơi chuyển người bệnh
MaNoiDen	0..1	MaCSKCB (T)	2.6.2.20	Mã cơ sở khám chữa bệnh nơi chuyển người bệnh đến
MaTaiNan	0..1	MaTaiNan (T)	2.2.7.1.2.11	Danh mục mã tai nạn thương tích
NgayVao	1	Ngày, giờ (T)	2.6.2.17	Thời điểm người bệnh đến khám chữa bệnh
NgayVaoNoiTru	0..1	Ngày, giờ (T)	2.6.2.17	Ngày giờ vào viện
NgayRa	0..1	Ngày, giờ (T)	2.6.2.17	Ngày giờ ra viện
GiayChuyenTuyen	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số giấy chuyển tuyến của cơ sở khám chữa bệnh/ Số giấy chuyển cơ sở khám chữa bệnh nơi chuyển người bệnh đi (trong trường hợp người bệnh có giấy chuyển tuyến) hoặc số giấy hẹn khám lại (nếu có)
SoNgayDieuTri	1	Số tự nhiên (T)	0	Số ngày điều trị
PPDieuTri	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Phương pháp điều trị cho người bệnh
KetQuaDieuTri	1	KetQuaDieuTri (T)	2.2.7.1.2.2	Mã kết quả điều trị
MaLoaiRaVien	0..1	MaLoaiRaVien (T)	2.2.7.1.2.4	Mã loại ra viện

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
GhiChu	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Lời dặn của bác sĩ hoặc nhân viên y tế sau khi kết thúc đợt khám chữa bệnh
NgayTToan	0..1	Ngày, giờ (T)	2.6.2.17	Thời điểm người bệnh thanh toán chi phí khám chữa bệnh
MaLoaiKCB	1	MaLoaiKCB (T)	2.2.7.1.2.7	Mã hình thức khám chữa bệnh
MaKhoa	1..n	MaKhoa (T)	2.2.7.1.2.12	Mã khoa nơi người bệnh điều trị
MaCSKCB	1	MaCSKCB (T)	2.6.2.20	Mã cơ sở khám chữa bệnh nơi người bệnh đến khám, điều trị
MaKhuVuc	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã nơi sinh sống của người bệnh ghi trên thẻ BHYT (K1 hoặc K2 hoặc K3)
CanNang	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Cân nặng của người bệnh
CanNangCon	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Cân nặng của con mới sinh (ghi trong trường hợp sinh con)
NgayTaiKham	0..n	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày tái khám
MaHSBA	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã số hồ sơ bệnh án hoặc số phiếu khám ngoại trú của người bệnh do cơ sở khám chữa bệnh quy định.
Thuoc	0..n	Thuoc (S)	2.2.7.1.1.2	Thông tin về thuốc của người bệnh

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
DichVuVatTuYT	0..n	DichVuVatTuYT (S)	2.2.7.1.1.3	Dịch vụ vật tư y tế
DichVuCanLamSang	0..n	DichVuCanLamSang (S)	2.2.7.1.1.4	Chi tiết dịch vụ cận lâm sàng
DienBienLamSang	0..n	DienBienLamSang (S)	2.2.7.1.1.5	Diễn biến lâm sáng
NguoiNhiemHIV	0..n	NguoiNhiemHIV (S)	2.2.7.1.1.6	Hồ sơ bệnh án chăm sóc và điều trị HIV/AIDS
DieuTriLao	0..n	DieuTriLao (S)	2.2.7.1.1.7	Điều trị bệnh lao
GiayChungSinh	0..n	GiayChungSinh (S)	2.2.7.1.1.8	Thông tin giấy chứng sinh

2.2.7.1.1.2. Thuốc: Thuoc

Tên cấu trúc: Thuoc

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu về thuốc của người bệnh trong đợt điều trị.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaThuoc	1	MaThuoc (T)	2.2.7.1.2.17	Mã hoạt chất theo quy định tại Bộ mã danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành
MaPPCheBien	1..n	MaPPCheBien (T)	2.2.7.1.2.20	Danh mục mã phương pháp chế biến vị thuốc cổ truyền
MaCSKCBThuoc	1	MaCSKCB (T)	2.6.2.20	Mã cơ sở khám chữa bệnh cấp thuốc
MaNhomChiPhi	1	MaNhomChiPhi (T)	2.2.7.1.2.21	Danh mục mã nhóm theo chi phí
TenThuoc	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên thuốc
DonViTinh	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Đơn vị tính của thuốc

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
HamLuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Hàm lượng của thuốc
DuongDung	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Đường dùng của thuốc
DangBaoChe	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Dạng bào chế của thuốc
LieuDung	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Liều dùng thuốc cho người bệnh
CachDung	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Lời dặn của thầy thuốc trên đơn thuốc hoặc y lệnh
SoDangKy	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số đăng ký lưu hành thuốc
ThongTinThau	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Thông tin thầu của thuốc
SoLuong	1	Số thập phân (T)	0	Số lượng thuốc thực tế sử dụng cho người bệnh
MaKhoa	1	MaKhoa (T)	2.2.7.1.2.12	Mã khoa nơi người bệnh được chỉ định sử dụng thuốc
MaBacSi	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã bác sĩ khám, chỉ định thuốc
MaDichVu	0..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã dịch vụ kỹ thuật hoặc mã dịch vụ khám bệnh thực hiện đối với người bệnh
NgayYLenh	1	Ngày, giờ (T)	2.6.2.17	Thời điểm ra y lệnh thuốc
NgayTHYLenh	0..1	Ngày, giờ (T)	2.6.2.17	Thời điểm thực hiện y lệnh thuốc trong trường hợp thuốc được sử dụng tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh
VetThuongTP	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Mã của vết thương tái phát

2.2.7.1.1.3. Dịch vụ vật tư y tế: DichVuVatTuYT

Tên cấu trúc: DichVuVatTuYT

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu dịch vụ vật tư y tế của người bệnh trong đợt điều trị

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDichVu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã dịch vụ kỹ thuật hoặc mã tiền khám hoặc mã tiền giường bệnh
MaPTTTQT	0..n	MaPTTT (T)	2.2.7.1.2.18	Danh mục mã phẫu thuật, thủ thuật quốc tế ICD-9 CM
MaVatTu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã nhóm vật tư y tế
MaNhomChiPhi	1	MaNhomChiPhi (T)	2.2.7.1.2.21	Danh mục mã nhóm theo chi phí
GoiVTYT	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã gói VTYT trong một lần sử dụng dịch vụ kỹ thuật (lần thứ nhất ghi G1, lần thứ hai ghi G2,…).
TenVatTu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên nhóm vật tư y tế
MaLoaiXangDau	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã loại xăng, dầu để tính chi phí vận chuyển người bệnh
DonViTinh	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Đơn vị tính của vật tư y tế hoặc dịch vụ kỹ thuật đề nghị thanh toán
SoLuong	1	Số thập phân (T)	0	Số lượng ngày giường bệnh, công khám, dịch vụ kỹ thuật hoặc vật tư y tế thực tế sử dụng cho người bệnh

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaKhoa	1..n	MaKhoa (T)	2.2.7.1.2.12	Mã khoa nơi người bệnh được cung cấp dịch vụ kỹ thuật, vật tư y tế, giường bệnh
MaGiuong	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã giường tại khoa điều trị
MaBacSi	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã người hành nghề thực hiện khám
NguoiThucHien	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã nhân viên y tế thực hiện dịch vụ kỹ thuật
MaBenh	0..1	MaBenh (T)	2.2.7.1.2.8	Mã ICD10 của bệnh hoặc triệu chứng cần chỉ định dịch vụ kỹ thuật
MaBenhYHCT	0..1	MaBenhYHCT (T)	2.2.7.1.2.9	Mã bệnh y học cổ truyền
NgayYLenh	1	Ngày, giờ (T)	2.6.2.17	Thời điểm ra y lệnh
NgayTHYLenh	1	Ngày, giờ (T)	2.6.2.17	Thời điểm thực hiện y lệnh
NgayKQ	0..1	Ngày, giờ (T)	2.6.2.17	Thời điểm có kết quả
VetThuongTP	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Mã của vết thương tái phát
PPVoCam	0..1	PPVoCam (T)	2.2.7.1.2.6	Mã phương pháp vô cảm được sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật
MaViTriThucHienDVKT	0..1	MaViTriThucHienDVKT (T)	2.2.7.1.2.19	Mã vị trí thực hiện phẫu thuật hoặc thủ thuật theo danh mục mã vị trí cơ thể
MaMay	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã các máy thực hiện dịch vụ cận lâm sàng, phẫu thuật, thủ thuật

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaHieuSanPham	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã hiệu sản phẩm của vật tư y tế
TaiSuDung	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Mã đánh dấu đối với vật tư y tế tái sử dụng

2.2.7.1.1.4. Chi tiết dịch vụ cận lâm sàng: DichVuCanLamSang

Tên cấu trúc: DichVuCanLamSang

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu chi tiết dịch vụ cận lâm sàng của người bệnh trong đợt điều trị.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDichVuKyThuat	1	MaDichVuKyThuat (T)	2.2.7.1.2.5	Mã dịch vụ kỹ thuật
MaChiSoXetNghiem	1	MaChiSoXetNghiem (T)	2.2.7.1.2.16	Mã chỉ số xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng
TenChiSoXetNghiem	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên chỉ số xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng
GiaTri	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Giá trị chỉ số (kết quả xét nghiệm, thăm dò chức năng)
DonViDo	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Đơn vị đo của chỉ số xét nghiệm
MoTa	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mô tả kết quả cận lâm sàng (chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng, giải phẫu bệnh) của người đọc kết quả

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
KetLuan	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Kết luận của người đọc kết quả
NgayKQ	0..1	Ngày, giờ (T)	2.6.2.17	Thời điểm có kết quả cận lâm sàng
MaBSDocKQ	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã của người có thẩm quyền đọc hoặc duyệt kết quả đọc (mã hóa theo số giấy phép hành nghề)

2.2.7.1.1.5. Diễn biến lâm sàng: DienBienLamSang

Tên cấu trúc: DienBienLamSang

Mô tả: Cấu trúc mô tả diễn biến lâm sàng của người bệnh trong đợt điều trị.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
DienBienLS	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Diễn biến lâm sàng của người bệnh trong lần khám và/hoặc ghi nội dung chăm sóc của nhân viên y tế
GiaiDoanBenh	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Giai đoạn bệnh trong trường hợp người bệnh đã được cơ sở khám bệnh chữa bệnh xác định giai đoạn bệnh
HoiChan	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Kết quả hội chẩn (nếu có)
PhauThuat	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mô tả cách thức phẫu thuật, thủ thuật (nếu có)

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
ThoiDiemDBLS	0..1	Ngày, giờ (T)	2.6.2.17	Thời điểm diễn biến lâm sàng
NguoiThucHien	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên dịch vụ kỹ thuật hoặc tên dịch vụ khám bệnh hoặc tên giường bệnh đề nghị quỹ BHYT thanh toán

2.2.7.1.1.6. Hồ sơ bệnh án chăm sóc và điều trị HIV/AIDS: NguoiNhiemHIV

Tên cấu trúc: NguoiNhiemHIV

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu về hồ sơ bệnh án chăm sóc và điều trị HIV/AIDS.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
NgayKDHIV	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời điểm khẳng định HIV của người nhiễm HIV
NoiLayMauXN	1	MaCSKCB (T)	2.6.2.20	Mã cơ sở khám bệnh chữa bệnh nơi lấy mẫu máu xét nghiệm HIV do cơ quan có thẩm quyền cấp
NoiXNKD	1	MaCSKCB (T)	2.6.2.20	Mã cơ sở khám bệnh chữa bệnh nơi người bệnh làm xét nghiệm khẳng định HIV do cơ quan có thẩm quyền cấp

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
NoiBDDTARV	1	MaCSKCB (T)	2.6.2.20	Mã cơ sở khám bệnh chữa bệnh đầu tiên nơi người bệnh nhận thuốc ARV trong chương trình chăm sóc và điều trị được ghi trong hồ sơ bệnh án của người bệnh do cơ quan có thẩm quyền cấp
BDDTARV	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời điểm đầu tiên người bệnh nhận thuốc ARV trong chương trình chăm sóc và điều trị được ghi trong hồ sơ bệnh án của người bệnh
MaPhacDoDieuTriBD	1	MaPhacDoDieuTri (T)	2.2.7.1.2.22	Mã phác đồ điều trị HIV/AIDS khi bắt đầu điều trị ARV
MaBacPhacDoBD	0..1	MaBacPhacDo (T)	2.2.7.1.2.23	Mã bậc của phác đồ khi bắt đầu điều trị ARV sử dụng phác đồ điều trị là "Khác"
MaLyDoDieuTri	1	LyDoDieuTriHIV (T)	2.2.7.1.2.24	Mã lý do bệnh nhân đăng ký giai đoạn điều trị tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh
LoaiDieuTriLao	1	LoaiDieuTriLao (T)	2.2.7.1.2.25	Mã loại điều trị lao

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
SangLocLao	1	SangLocLao (T)	2.2.7.1.2.26	Mã các phương pháp sàng lọc lao được thực hiện
PhacDoDieuTriLao	0..1	PhacDoDieuTriLao (T)	2.2.7.1.2.27	Mã phác đồ điều trị lao
NgayBDDieuTriLao	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời điểm bắt đầu điều trị bệnh lao hoặc lao tiềm ẩn tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh
NgayKTDieuTriLao	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời điểm kết thúc điều trị bệnh lao hoặc lao tiềm ẩn tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh
KQDieuTriLao	1	KQDieuTriLao (T)	2.2.7.1.2.28	Mã kết quả điều trị lao, điều trị lao tiềm ẩn
MaLyDoXNTLVR	1	MaLyDoXNTLVR (T)	2.2.7.1.2.29	Mã lý do chỉ định xét nghiệm đo tải lượng vi rút ở người bệnh đang điều trị ARV
NgayXNTLVR	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời điểm lấy mẫu làm xét nghiệm tải lượng virus
KQXNTLVR	1	KQXNTLVR (T)	2.2.7.1.2.30	Kết quả xét nghiệm tải lượng vi rút HIV, là số lượng bản sao vi rút HIV trên 1 ml máu
NgayKQXNTLVR	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời điểm có kết quả xét nghiệm tải lượng virus
MaLoaiBN	1	MaLoaiBN (T)	2.2.7.1.2.31	Mã đối tượng đến khám
GiaiDoanLamSang	1	GiaiDoanLamSang (T)	2.2.7.1.2.32	Mã giai đoạn lâm sàng

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
NhomDoiTuong	1	NhomDoiTuong (T)	2.2.7.1.2.33	Mã nhóm đối tượng
MaTinhTrangDK	1..n	MaTinhTrangDK (T)	2.2.7.1.2.34	Mã tình trạng của đối tượng đến khám
LanXNPCR	0..1	LanXNPCR (T)	2.2.7.1.2.35	Mã lần thực hiện xét nghiệm PCR. Trường thông tin này chỉ áp dụng cho trẻ dưới 18 tháng tuổi bị phơi nhiễm với HIV
NgayXNPCR	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày mà người bệnh thực hiện xét nghiệm PCR. Trường thông tin này chỉ áp dụng cho trẻ dưới 18 tháng tuổi bị phơi nhiễm với HIV
NgayKQXNPCR	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày mà người bệnh có kết quả xét nghiệm PCR1. Trường thông tin này chỉ áp dụng cho trẻ dưới 18 tháng tuổi bị phơi nhiễm với HIV
MaKQXNPCR	0..1	MaKQXNPCR (T)	2.2.7.1.2.36	Mã kết quả xét nghiệm PCR1. Trường thông tin này chỉ áp dụng cho trẻ dưới 18 tháng tuổi bị phơi nhiễm với HIV
NgayNhanTTMangThai	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời điểm nhận thông tin mang thai

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
NgayBDDieuTriCTX	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời điểm bắt đầu điều trị Cotrimoxazol (CTX)
MaXuTri	0..n	MaXuTri (T)	2.2.7.1.2.37	Mã xử trí của cơ sở y tế
NgayBDXuTri	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày bắt đầu xử trí của đợt điều trị ARV
NgayKTXuTri	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày kết thúc xử trí của đợt điều trị ARV
MaPhacDoDieuTri	1	MaPhacDoDieuTri (T)	2.2.7.1.2.22	Mã phác đồ điều trị HIV/AIDS khi bắt đầu điều trị ARV
MaBacPhacDo	0..1	MaBacPhacDo (T)	2.2.7.1.2.23	Mã bậc của phác đồ khi bắt đầu điều trị ARV sử dụng phác đồ điều trị là "Khác"
SoNgayCapThuocARV	1	Số tự nhiên (T)	0	Số ngày thuốc ARV được cấp
NgayChuyenPhacDo	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày chuyển phác đồ điều trị
LyDoChuyenPhacDo	0..1	LyDoChuyenPhacDo (T)	2.2.7.1.2.38	Mã lý do chuyển phác đồ
MaCSKCB	1	MaCSKCB (T)	2.6.2.20	Mã cơ sở khám bệnh chữa bệnh nơi người bệnh đến khám bệnh, điều trị HIV/AIDS, do cơ quan có thẩm quyền cấp

2.2.7.1.1.7. Quản lý điều trị lao: DieuTriLao

Tên cấu trúc: DieuTriLao

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu quản lý điều trị lao của bệnh nhân lao trong từng đợt điều trị.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
PhanLoaiLaoViTri	1	PhanLoaiLaoViTri (T)	2.2.7.1.2.39	Mã phân loại Bệnh nhân lao theo vị trí giải phẫu
PhanLoaiLaoTS	0..1	PhanLoaiLaoTS (T)	2.2.7.1.2.40	Mã phân loại Bệnh nhân lao theo tiền sử điều trị
PhanLoaiLaoHIV	0..1	PhanLoaiLaoHIV (T)	2.2.7.1.2.41	Mã phân loại bệnh nhân lao theo tình trạng nhiễm HIV
PhanLoaiLaoVK	0..1	PhanLoaiLaoVK (T)	2.2.7.1.2.42	Mã phân loại bệnh nhân lao theo bằng chứng vi khuẩn học
PhanLoaiLaoKT	0..1	PhanLoaiLaoKT (T)	2.2.7.1.2.43	Mã phân loại bệnh nhân lao theo tình trạng kháng thuốc
LoaiDieuTriLao	1	LoaiDieuTriLao (T)	2.2.7.1.2.25	Mã loại điều trị lao
NgayBDDieuTriLao	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời điểm bắt đầu điều trị bệnh lao hoặc lao tiềm ẩn tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh
PhacDoDieuTriLao	1	PhacDoDieuTriLao (T)	2.2.7.1.2.27	Mã phác đồ điều trị lao
NgayKTDieuTriLao	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời điểm kết thúc điều trị bệnh lao hoặc lao tiềm ẩn tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
KQDieuTriLao	1	KQDieuTriLao (T)	2.2.7.1.2.28	Mã đánh giá kết quả điều trị
MaCSKCB	1	MaCSKCB (T)	2.6.2.20	Mã cơ sở KBCB nơi người bệnh đến khám bệnh, điều trị do cơ quan có thẩm quyền cấp
NgayKDHIV	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời điểm khẳng định HIV của người nhiễm HIV
BDDTARV	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời điểm đầu tiên người bệnh nhận thuốc ARV
NgayBDDieuTriCTX	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời điểm bắt đầu điều trị Cotrimoxazol (CTX)

2.2.7.1.1.8. Giấy chứng sinh: GiayChungSinh

Tên cấu trúc: GiayChungSinh

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu giấy chứng sinh của bệnh nhân trong đợt điều trị.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaGCS	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã giấy chứng sinh được quản lý tại cơ sở khám chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế
MaChungTu	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã chứng từ phục vụ việc quản lý nội bộ của cơ sở khám chữa bệnh

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
SoSeri	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số mã hóa định danh do BHXH thiết lập
NguoiNuoiDuong	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Thông tin mẹ hoặc người nuôi dưỡng
Cha	0..1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Thông tin cha (bố) của trẻ được cấp giấy chứng sinh
MaTheTam	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã thẻ BHYT tạm thời của người con
TenCon	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên dự định đặt cho con (Tên dự kiến này có thể thay đổi khi đăng ký khai sinh)
GioiTinh	1	GioiTinh (T)	QCVN 109:2017/BTTTT	Giới tính của con
SoCon	1	Số tự nhiên (T)	0	Số con sinh trong lần sinh
LanSinh	1	Số tự nhiên (T)	0	Số lần sinh con
SoConSong	1	Số tự nhiên (T)	0	Số con hiện đang sống
CanNangCon	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Cân nặng con
NgaySinhCon	1	Ngày, giờ (T)	2.6.2.13	Ngày sinh con
NoiSinhCon	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nơi sinh con
TinhTrangCon	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tình trạng của trẻ tại thời điểm làm Giấy chứng sinh

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
SinhConPhauThuat	1	Số tự nhiên (T)	0	Nhận các giá trị: 1 - Sinh con phẫu thuật 0 - Sinh con không phẫu thuật
SinhConDuoi32Tuan	1	Số tự nhiên (T)	0	Nhận các giá trị: 1- Sinh con dưới 32 tuần tuổi 0 - Không sinh con dưới 32 tuần tuổi
GhiChu	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Ghi chú
NguoiDoDe	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Họ và tên người đỡ đẻ.
NguoiGhiPhieu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Họ và tên người ghi phiếu.
NgayChungTu	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày chứng từ
So	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số của chứng từ
QuyenSo	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Quyển số của chứng từ

2.2.7.1.2. Cấu trúc và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.2.7.1.2.1. LoaiBenh

Cấu trúc mô tả dữ liệu loại bệnh BHYT chi trả, đồng chi trả với người bệnh.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaBenh	1	MaBenh (T)	2.2.7.1.2.8	Mã bệnh
TenBenh	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên bệnh
MaLoaiBenh	1	MaLoaiBenh (T)	2.2.7.1.2.13	Mã Loại bệnh

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TenLoaiBenh	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên Loại bệnh
MaNhomBenh	1	NhomBenh (T)	2.2.7.1.2.14	Nhóm bệnh
TenNhomBenh	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên Nhóm bệnh
MaChuongBenh	1	ChuongBenh (T)	2.2.7.1.2.15	Chương bệnh
TenChuongBenh	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên chương bệnh

2.2.7.1.2.2. LyDoVaoNoiTru

Mô tả: Kiêu chuỗi ký tự có độ dài tối đa 5 ký tự, nhận giá trị theo danh mục mã lý do vào viện nội trú.

Bảng giá trị danh mục : Tham khảo phụ lục E.1.98

2.2.7.1.2.3. KetQuaDieuTri

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự gồm 2 ký tự số, nhận giá trị mã theo danh mục kết quả điều trị

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.99.

2.2.7.1.2.4. MaLoaiRaVien

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự gồm 1 ký tự số, nhận giá trị mã theo danh mục mã loại ra viện.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.100.

2.2.7.1.2.5. MaDichVuKyThuat

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục mã dịch vụ kỹ thuật.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.101.

2.2.7.1.2.6. PPVoCam

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục phương pháp vô cảm.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.102.

2.2.7.1.2.7. MaLoaiKCB

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự có độ dài 2 ký tự số, nhận giá trị theo Danh mục mã loại hình khám bệnh, chữa bệnh.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.103

2.2.7.1.2.8. MaBenh

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị theo Danh mục mã bệnh.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.104.

2.2.7.1.2.9. MaBenhYHCT

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị theo Danh mục mã bệnh y học cổ truyền

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.105.

2.2.7.1.2.10. MaDoiTuongKCB

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị theo Danh mục mã đối tượng đến khám chữa bệnh.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.106.

2.2.7.1.2.11. MaTaiNan

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị theo Danh mục mã tai nạn thương tích.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.107.

2.2.7.1.2.12. MaKhoa

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị theo Danh mục mã khoa.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.108.

2.2.7.1.2.13. MaLoaiBenh

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị theo Danh mục mã loại bệnh.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.109.

2.2.7.1.2.14. NhomBenh

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị theo Danh mục nhóm bệnh.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.110.

2.2.7.1.2.15. ChuongBenh

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị theo Danh mục chương bệnh.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.111.

2.2.7.1.2.16. MaChiSoXetNghiem

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo Danh mục mã chỉ số xét nghiệm.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.112.

2.2.7.1.2.17. MaThuoc

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo Danh mục mã thuốc

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.113.

2.2.7.1.2.18. MaPTTT

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo Danh mục mã phẫu thuật, thủ thuật quốc tế ICD-9 CM.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.114.

2.2.7.1.2.19. MaViTriThucHienDVKT

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục mã vị trí thực hiện dịch vụ kỹ thuật.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.115.

2.2.7.1.2.20. MaPPCheBien

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục mã phương pháp chế biến vị thuốc cổ truyền

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.116.

2.2.7.1.2.21. MaNhomChiPhi

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục mã nhóm theo chi phí

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.117.

2.2.7.1.2.22. MaPhacDoDieuTri

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục mã phác đồ điều trị HIV/AIDS.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.118.

2.2.7.1.2.23. MaBacPhacDo

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục mã bậc phác đồ điều trị ARV.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.119.

2.2.7.1.2.24. LyDoDieuTriHIV

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục mã lý do điều trị HIV.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.120.

2.2.7.1.2.25. LoaiDieuTriLao

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục mã loại điều trị lao.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.121.

2.2.7.1.2.26. SangLocLao

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục mã các phương pháp sàng lọc lao

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.122.

2.2.7.1.2.27. PhacDoDieuTriLao

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục mã phác đồ điều trị lao

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.123.

2.2.7.1.2.28. KQDieuTriLao

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục kết quả điều trị lao, điều trị lao tiềm ẩn

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.124.

2.2.7.1.2.29. MaLyDoXNTLVR

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục mã lý do chỉ định xét nghiệm đo tải lượng vi rút.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.125.

2.2.7.1.2.30. KQXNTLVR

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục kết quả xét nghiệm tải lượng vi rút HIV.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.126.

2.2.7.1.2.31. MaLoaiBN

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục mã đối tượng đến khám

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.127.

2.2.7.1.2.32. GiaiDoanLamSang

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục mã đối tượng đến khám

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.128.

2.2.7.1.2.33. NhomDoiTuong

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục nhóm đối tượng

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.129.

2.2.7.1.2.34. MaTinhTrangDK

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục mã tình trạng đối tượng đến khám

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.130.

2.2.7.1.2.35. LanXNPCR

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục mã lần thực hiện xét nghiệm PCR.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.131.

2.2.7.1.2.36. MaKQXNPCR

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục mã kết quả xét nghiệm PCR1.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.132.

2.2.7.1.2.37. MaXuTri

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục mã xử trí của cơ sở y tế.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.133.

2.2.7.1.2.38. LyDoChuyenPhacDo

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục lý do chuyển phác đồ.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.134.

2.2.7.1.2.39. PhanLoaiLaoViTri

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục phân loại bệnh nhân lao theo vị trí giải phẫu.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.135.

2.2.7.1.2.40. PhanLoaiLaoTS

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục phân loại bệnh nhân lao theo tiền sử điều trị.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.136.

2.2.7.1.2.41. PhanLoaiLaoHIV

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục phân loại bệnh nhân lao theo theo tình trạng nhiễm HIV.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.137.

2.2.7.1.2.42. PhanLoaiLaoVK

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục phân loại bệnh nhân lao theo bằng chứng vi khuẩn học.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.138.

2.2.7.1.2.43. PhanLoaiLaoKT

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục phân loại bệnh nhân lao theo tình trạng kháng thuốc.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.139.

2.2.7.2. Thông tin phòng bệnh

2.2.7.2.1. Cấu trúc dữ liệu

2.2.7.2.1.1. Hồ sơ sức khỏe - Tiêm chủng: TiemChung

Tên cấu trúc: TiemChung

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu tiêm chủng theo hồ sơ sức khỏe của cá nhân.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Thông tin cơ bản của công dân
DaTiem	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Đã tiêm hay chưa
NgayTiem	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày tiêm
NgayHenTiemMuiSau	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày hẹn tiêm mũi sau
PhanLoai	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Phân loại
PhanUngSauTiem	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Phản ứng sau tiêm
TenVacXin	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên loại vacxin

2.2.8. Các vấn đề liên quan đến pháp luật

2.2.8.1. Giám sát hành chính

2.2.8.1.1. Cấu trúc dữ liệu

2.2.8.1.1.1. Vi phạm hành chính: ViPhamHCCN

Tên cấu trúc: ViPhamHCCN

Mô tả: Cấu trúc mô tả thông tin vi phạm hành chính của cá nhân

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Thông tin cơ bản của công dân
ThongTinViPhamHC	0..n	ThongTinViPhamHC (S)	2.2.8.1.2.1	Thông tin vi phạm hành chính

2.2.8.1.2. Cấu trúc dữ liệu và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.2.8.1.2.1. ThongTinViPhamHC

Mô tả cấu trúc thông tin vi phạm hành chính

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
QuyetDinhXuPhat	1	QuyetDinh (S)	2.6.1.4	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính
HanhViViPhamHC	1..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính
HinhThucXuPhatBoSung	0..n	HinhThucXuPhat (T)	2.2.8.1.2.5	Hình thức xử phạt bổ sung
HinhThucXuPhatChinh	1..n	HinhThucXuPhat (T)	2.2.8.1.2.5	Hình thức xử phạt chính
MucPhat	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mức phạt
BienPhapKhacPhucHauQua	1..n	BienPhapKhacPhucHauQua (T)	2.2.8.1.2.1	Biện pháp khắc phục hậu quả
TinhTietGiamNhe	0..n	TinhTietGiamNhe (T)	2.2.8.1.2.3	Các tình tiết giảm nhẹ
TinhTietTangNang	0..n	TinhTietTangNang (T)	2.2.8.1.2.4	Các tình tiết tăng nặng
TrangThai	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Trạng thái thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

2.2.8.1.2.2. BienPhapKhacPhucHauQua

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo Danh mục biện pháp khắc phục hậu quả

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.140

2.2.8.1.2.3. TinhTietGiamNhe

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo Danh mục tình tiết giảm nhẹ.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.141

2.2.8.1.2.4. TinhTietTangNang

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo Danh mục tình tiết tăng nặng.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.142

2.2.8.1.2.5. HinhThucXuPhat

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục hình thức xử phạt.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.143

2.2.8.2. Thông tin tư pháp

2.2.8.2.1. Cấu trúc dữ liệu

2.2.8.2.1.1. Thi hành án dân sự: ThiHanhAnDanSu

Tên cấu trúc: ThiHanhAnDanSu

Mô tả: cấu trúc thông tin về thi hành án dân sự của cá nhân theo quy định của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2022.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Thông tin cơ bản của công dân
QuyetDinhThiHanhAnDS	1	QuyetDinh (S)	2.6.1.4	Quyết định thi hành án
TinhTrang	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tình trạng thực hiện theo quyết định thi hành án

2.2.8.2.1.2. Thi hành án hành chính: ThiHanhAnHanhChinh

Tên cấu trúc: ThiHanhAnHanhChinh

Mô tả: cấu trúc thông tin về thi hành án hành chính của cá nhân

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Thông tin cơ bản của công dân
QuyetDinhThiHanhAnHC	1	QuyetDinh (S)	2.6.1.4	Quyết định thi hành án
TinhTrang	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tình trạng việc thụ lý

2.2.8.2.1.3. Trợ giúp pháp lý: TroGiupPhapLy

Tên cấu trúc: TroGiupPhapLy

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu trợ giúp pháp lý của cá nhân

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Thông tin cơ bản của công dân
DienNguoiDuocTGPL	1	DienNguoiDuocTGPL (T)	2.2.8.2.2.4	Diện người được trợ giúp pháp lý
LinhVucTGPL	1	LinhVucTGPL (T)	2.2.8.2.2.6	Lĩnh vực trợ giúp pháp lý
HinhThucTGPL	1	HinhThucTGPL (T)	2.2.8.2.2.5	Hình thức trợ giúp
SoNguoiTGPL	1	Số tự nhiên (T)	0	Số người thực hiện trợ giúp pháp lý

2.2.8.2.1.4. Thông tin truy nã: TTTruyNa

Tên cấu trúc: TTTruyNa

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu truy nã của cá nhân

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	*2.2.1.1.1.1*	Thông tin cơ bản của công dân
LoaiTruyNa	1	LoaiTruyNa (T)	2.2.8.2.2.7	Loại truy nã
HeToiDanh	1	HeToiDanh (T)	2.2.8.2.2.8	Lĩnh vực
TrangThaiHS	1	TrangThaiHS (T)	2.2.8.2.2.9	Trạng thái hồ sơ của đối tượng
NgayTron	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày trốn
QuyetDinhTruyNa	1	QuyetDinh (S)	2.6.1.4	Quyết định truy nã
ToiDanh	1..n	ToiDanh (T)	2.2.8.2.2.3	Danh sách tội danh
HinhThucBiBat	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Hình thức bị bắt
MaDVBatDoiTuong	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đơn vị thực hiện bắt đối tượng
TenDVBatDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên đơn vị thực hiện bắt đối tượng
CoYeuToNuocNgoai	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Đối tượng truy nã có yếu tố nước ngoài
CoLenhTruyNa	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có lệnh truy nã
CoLenhTamGiam	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Chỉ có lệnh tạm giam
CoTronRaNuocNgoai	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Đối tượng trốn ra nước ngoài bắt được

2.2.8.2.1.5. Quản lý phạm nhân, trại viên, học sinh trường giáo dưỡng: QLPhamNhan

Tên cấu trúc: QLPhamNhan

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu quản lý phạm nhân, trại viên, học sinh trường giáo dưỡng

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	*2.2.1.1.1.1*	Thông tin cơ bản của công dân
SoBanAn	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số bản án, quyết định được thi hành
ToiDanh	1..n	ToiDanh (T)	2.2.8.2.2.3	Tội danh
MucAn	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mức án
NgayVaoTrai	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày vào trại
NgayLapThePN	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày lập thẻ phạm nhân
TinhTrangPN	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tình trạng phạm nhân
NgayDacXa	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày tha/đặc xá
LyDoTha	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Lý do tha
NgayRaTrai	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày ra trại
TGChapHanhAn	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Thời gian chấp hành án thực tế

2.2.8.2.2. Cấu trúc dữ liệu và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.2.8.2.2.1. HinhPhatChinh

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo Danh mục hình phạt chính.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.144.

2.2.8.2.2.2. HinhPhatBoSung

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo Danh mục hình phạt bổ sung.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.145.

2.2.8.2.2.3. ToiDanh

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục tội danh.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.146.

2.2.8.2.2.4. DienNguoiDuocTGPL

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục diện người được trợ giúp pháp lý.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.147.

2.2.8.2.2.5. HinhThucTGPL

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục hình thức trợ giúp pháp lý

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.148.

2.2.8.2.2.6. LinhVucTGPL

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục lĩnh vực trợ giúp pháp lý

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.149.

2.2.8.2.2.7. LoaiTruyNa

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo Danh mục loại truy nã.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.150.

2.2.8.2.2.8. HeToiDanh

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo Danh mục hệ tội danh.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.151.

2.2.8.2.2.9. TrangThaiHS

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo Danh mục trạng thái hồ sơ của đối tượng.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.152.

2.2.8.3. Thông tin về tố tụng

2.2.8.3.1. Cấu trúc dữ liệu

2.2.8.3.1.1. Thông tin khiếu kiện: TTKhieuKien

Tên cấu trúc: TTKhieuKien

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu của thông tin khiếu kiện.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Thông tin cơ bản của công dân
NoiDungKhoiKien	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nội dung khởi kiện
ToaAnThuLy	1	ToaAn (S)	2.6.1.2	Tòa án thụ lý
LinhVucKhoiKien	1	LinhVucKhoiKien (S)	2.2.8.3.2.1	Lĩnh vực khởi kiện
LaNguoiKhoiKien	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Cá nhân là người khởi kiện

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
LaNguoiDuocBaoVe	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Cá nhân là người quyền và lợi ích được bảo vệ
LaNguoiBiKien	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Cá nhân là người bị kiện
LaNguoiCoQuyenLoiNghiaVuLienQuan	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Cá nhân là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
LaNguoiLamChung	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Cá nhân là người làm chứng
NgayTBAP	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày thông báo án phí

2.2.8.3.2. Cấu trúc dữ liệu và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.2.8.3.2.1. LinhVucKhoiKien

Mô tả thông tin lĩnh vực khởi kiện, thông tin bao gồm:

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaLinhVuc	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã lĩnh vực khởi kiện
TenLinhVuc	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên lĩnh vực khởi kiện

2.2.8.4. Bản án/Quyết định của tòa án

2.2.8.4.1. Cấu trúc dữ liệu

2.2.8.4.1.1. Bản án Dân sự/Hành chính/Kinh doanh thương mại/Lao động: AnDSHCTMLDCN

Tên cấu trúc: AnDSHCTMLDCN

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu bản án dân sự/hành chính/kinh doanh thương mại/Lao động cho cá nhân.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Thông tin cơ bản của công dân

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
AnDSHCTMLD	1..n	AnDSHCTMLD (S)	2.2.8.4.2.1	Bản án dân sự/hành chính/kinh doanh thương mại/Lao động

2.2.8.4.1.2. Bản án/Quyết định hình sự: AnHinhSuCN

Tên cấu trúc: AnHinhSuCN

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu bản án/quyết đình hình sự của cá nhân.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Thông tin cơ bản của công dân
TTAnHinhSu	1..n	AnHinhSu (S)	2.2.8.4.2.2	Thông tin về bản án/ quyết định hình sự

2.2.8.4.2. Cấu trúc dữ liệu và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.2.8.4.2.1. AnDSHCTMLD

Mô tả cấu trúc bản án/quyết định dân sự/hành chính/kinh doanh thương mại/lao động

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
LinhVuc	1	LinhVuc (T)	2.2.8.4.2.5	Lĩnh vực
LaNguyenDon	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Là nguyên đơn
LaBiDon	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Là bị đơn
BanAnQD	1	QuyetDinh (S)	2.6.1.4	Bản án/quyết định
NoiDung	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nội dung bản án quyết đinh
NghiaVu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nghĩa vụ liên quan
AnPhi	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Án phí

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TinhTrangTHA	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tình trạng thi hành án
BiHuy	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Trạng thái quyết định bởi 1 quyết định khác
BanAnQDLQ	0..n	QuyetDinh (S)	2.6.1.4	Bản án liên quan bị hủy bỏ/thay đổi

2.2.8.4.2.2. AnHinhSu

Mô tả cấu trúc bản án/quyết định hình sự

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
LoaiBanAnQD	1	LoaiBanAnQD (T)	2.2.8.4.2.3	Loại bản án/quyết định
BanAnQDHinhSu	1	QuyetDinh (S)	2.6.1.4	Bản án/quyết định
HinhPhatChinh	0..1	HinhPhatChinh (T)	2.2.8.2.2.1	Hình phạt chính
HinhPhatBoSung	0..n	HinhPhatBoSung (T)	2.2.8.2.2.2	Hình phạt bổ sung
DieuLuatApDung	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Điều luật áp dụng
HieuLucTuNgay	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Hiệu lực từ ngày
HieuLucDenNgay	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Hiệu lực đến ngày
ThiHanhAn	0..1	ThiHanhAn (S)	2.2.8.4.2.4	Thi bản án/quyết định
QuyetDinhLienQuan	0..n	QuyetDinh (S)	2.6.1.4	Bản án/quyết định liên quan
ChucVuBiCam	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Chức vụ bị cấm đảm nhiệm
ThoiHanBiCam	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã

2.2.8.4.2.3. LoaiBanAnQD

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục loại bản án, quyết định

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.153.

2.2.8.4.2.4. ThiHanhAn

Mô tả cấu trúc thi hành bản án/quyết định

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc/kiểu dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
NgayThiHanhAnQD	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày Thi hành bản án/ quyết định
NoiThiHanhAnQD	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nơi thi hành bản án/ quyết định
TinhTrangTHA	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tình trạng thi hành án

2.2.8.4.2.5. LinhVuc

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục lĩnh vực

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.154.

2.2.9. Thông tin khác

2.2.9.1. Đặc điểm lịch sử bản thân

2.2.9.1.1. Cấu trúc dữ liệu

2.2.9.1.1.1. Tham gia hoặc có quan hệ với tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội,… ở nước ngoài: LichSuCongTacCN

Tên cấu trúc: LichSuCongTacCN

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu tham gia hoặc có quan hệ với tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội,… ở nước ngoài.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	*2.2.1.1.1.1*	Thông tin cơ bản của công dân
LichSuCongTac	0..n	LichSuCongTac (S)	2.2.9.1.2.1	Quá trình đã công tác

2.2.9.1.2. Cấu trúc dữ liệu và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.2.9.1.2.1. LichSuCongTac

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
ThangNamTu	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Tháng/năm bắt đầu làm việc
ThangNamDen	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Tháng/năm kết thúc làm việc
CongTacDonVi	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Đơn vị công tác
CongTacChucVu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Chức vụ
CongTacDiaChi	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Địa chỉ trụ sở nơi làm việc

2.2.9.2. Giấy phép lái xe

2.2.9.2.1. Cấu trúc dữ liệu

2.2.9.2.1.1. Giấy phép lái xe: GiayPhepLaiXe

Tên cấu trúc: GiayPhepLaiXe

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu giấy phép lái xe của cá nhân.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Thông tin cơ bản của công dân
DanhSachGPLX	1..n	TTGPLX (S)	2.2.9.2.2.1	Danh sách giấy phép lái xe. Một cá nhân có thể có nhiều giấy phép lái xe (ô tô, xe máy, …)

2.2.9.2.2. Cấu trúc dữ liệu và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.2.9.2.2.1. TTGPLX

Cấu trúc mô tả dữ liệu thông tin giấy phép lái xe

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
LoaiGPLX	1	LoaiGPLX (T)	2.2.9.2.2.4	Loại giấy phép lái xe
SoGPLX	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số giấy phép lái xe
GiaTriDen	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Có giá trị đến (thời hạn)
CoQuanCap	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Cơ quan cấp
NoiCap	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nơi cấp
NgayCap	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày cấp
SoGPLXQG	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số giấy phép lái xe quốc gia
HangGPLX	1	HangGPLX (T)	2.2.9.2.2.5	Hạng giấy phép lái xe
LoaiXeDuocDK	1..n	LoaiXeDuocDK (S)	2.2.9.2.2.2	Các loại xe cơ giới đường bộ được điều khiển
ViPhamGT	0..n	ViPhamGT (S)	2.2.9.2.2.3	Thông tin về vi phạm giao thông

2.2.9.2.2.2. LoaiXeDuocDK

Cấu trúc mô tả dữ liệu loại xe được đăng ký

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
LoaiXe	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Loại xe được điều khiển
NgayTrungTuyen	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày trúng tuyển

2.2.9.2.2.3. ViPhamGT

Cấu trúc mô tả dữ liệu vi phạm giao thông.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaViPham	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã vi phạm

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
NgayViPham	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày vi phạm
DonVi	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Đơn vị ra quyết định xử phạt
NoiDung	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nội dung vi phạm

2.2.9.2.2.4. LoaiGPLX

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục loại giấy phép lái xe.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.155.

2.2.9.2.2.5. HangGPLX

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo Danh mục hạng giấy phép lái xe.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.1.156.

2.2.9.3. Quá trình sinh hoạt Đảng

2.2.9.3.1. Cấu trúc dữ liệu

2.2.9.3.1.1. Quá trình sinh hoạt Đảng: QuaTrinhDang

Tên cấu trúc: QuaTrinhDang

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu quá trình sinh hoạt Đảng của công dân

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CongDan	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Thông tin cơ bản của công dân
NgayBD	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày tham gia tổ chức chính trị - xã hội đầu tiên (ngày vào Đoàn TNCSHCM, Công đoàn, Hội
NgayVaoDang	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày vào Đảng
NgayVaoDangCT	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày vào Đảng chính thức
ChucVuDang	0..n	ChucVuDang (S)	2.2.9.3.2.1	Thông tin tham gia các chức vụ Đảng

2.2.9.3.2. Cấu trúc dữ liệu và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.2.9.3.2.1. ChucVuDang

Cấu trúc mô tả dữ liệu chức vụ Đảng

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
NhiemKyTu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Bắt đầu nhiệm kỳ
NhiemKyDen	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Kết thúc nhiệm kỳ
ChucVuDangChinh	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Chức vụ Đảng chính thức
ChucVuDangKiemNhiem	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Chức vụ Đảng kiêm nhiệm

2.3. Mô hình dữ liệu về pháp nhân

2.3.1. Thông tin cơ bản về pháp nhân

2.3.1.1. Cấu trúc dữ liệu

2.3.1.1.1. Thông tin đăng ký cơ bản: DinhDanhToChuc

Tên cấu trúc: DinhDanhToChuc

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu về thông tin định danh của cơ quan, tổ chức

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số định danh của cơ quan, tổ chức
MaSoThue	0..1	MaSoThue (T)	2.6.2.21	Mã số thuế tổ chức
NgayCapMST	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày cấp mã số thuế
SoChungNhanConDau	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số giấy chứng nhận con dấu
TenToChucTiengViet	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên tổ chức (tiếng việt)
TenToChucNuocNgoai	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên tổ chức (nước ngoài)

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TenToChucVietTat	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên tổ chức (viết tắt)
NgayThanhLap	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày thành lập
LoaiHinhTC	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Loại hình tổ chức
LinhVucHDKD	0..n	LinhVucHDKD (T)	2.3.1.2.1	Lĩnh vực hoạt động kinh doanh
NguonXacThuc	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nguồn xác thực
NguoiDangKyDDDTTC	0..1	CongDan (S)	2.2.1.1.1. 1	Người đăng ký định danh điện tử tổ chức
ThongTinDKKD	0..1	ThongTinDKKD (S)	2.3.1.1.2	Thông tin đăng ký kinh doanh
ThongTinDiaChiTruSoToChuc	0..1	ThongTinDiaChiTruSoToChuc (S)	2.3.1.1.3	Thông tin địa chỉ trụ sở
ThongTinDiaChiLienHeToChuc	0..n	ThongTinLienHe (S)	2.6.1.5	Thông tin liên hệ tổ chức
VonDieuLe	0..1	VonDieuLe (S)	2.3.1.1.4	Vốn điều lệ
GiayToDinhDanh	0..1	GiayToDinhDanhTC(S)	2.3.1.1.5	Giấy tờ định danh
MoiQuanHeVoiToChuc	0..1	MoiQuanHeVoiToChuc (S)	2.3.1.1.6	Mối quan hệ với tổ chức
MoiQuanHeVoiCaNhan	1..n	MoiQuanHeVoiCaNhan (S)	2.3.1.1.7	Mối quan hệ với cá nhân
VonGop	0..n	VonGop (S)	2.3.1.1.9	Thông tin về vốn góp của tổ chức, cá nhân
ThongTinTTHD	0..1	ThongTinTTHD (S)	2.3.1.1.8	Trạng thái hoạt động

2.3.1.1.2.Thông tin đăng ký kinh doanh: ThongTinDKKD

Tên cấu trúc: ThongTinDKKD

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu về thông tin đăng ký kinh doanh của tổ chức

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
NgayBatDauHDKD	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh
TongSoLaoDong	1	Số tự nhiên (T)	0	Tổng số lao động
HinhThucHachToan	1	HinhThucHachToan (T)	2.3.1.2.2	Hình thức hoạch toán (Y-Độc lập, N- Phụ thuộc)
NgayBatDauNamTaiChinh	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày bắt đầu năm tài chính
NgayKetThucNamTaiChinh	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày kết thúc năm tài chính
NgayBatDauHD	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày bắt đầu hoạt động
MaLoaiHinhDN	1	LoaiHinhDN (T)	2.6.2.22	Mã loại hình doanh nghiệp
PhanLoaiDN	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Phân loại doanh nghiệp

2.3.1.1.3. Thông tin địa chỉ trụ sở tổ chức: ThongTinDiaChiTruSoToChuc

Tên cấu trúc: ThongTinDiaChiTruSoToChuc

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu về thông tin địa chỉ trụ sở tổ chức

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
DiaChiTruSo	1	DiaChi (S)	2.5.1.1	Địa chỉ trụ sở
Website	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Website của tổ chức
DienThoai	0..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Điện thoại liên hệ
Email	0..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Địa chỉ gửi thư điện tử
Fax	0..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Số Fax

2.3.1.1.4. Vốn điều lệ: VonDieuLe

Tên cấu trúc: VonDieuLe

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu vốn điều lệ của tổ chức

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
SoVonDieuLe	1	Số thập phân (T)	0	Vốn điều lệ
LoaiTienVonDieuLe	1	LoaiTien (S)	2.3.1.2.3	Loại tiền của vốn điều lệ
TyTrongVonDieuLe	1	Số thập phân (T)	0	Tỷ trọng vốn điều lệ
LoaiNguonVonDieuLe	1	LoaiNguonVon DieuLe (T)	2.3.1.2.5	Loại nguồn vốn điều lệ

2.3.1.1.5. Giấy tờ định danh tổ chức: GiayToDinhDanhTC

Tên cấu trúc: GiayToDinhDanhTC

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu của giấy tờ định danh tổ chức

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
LoaiGiayToDinhDanh	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Loại giấy tờ
SoGiayTo	1	Số tự nhiên (T)	0	Số giấy tờ
NgayCapGiayTo	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày cấp giấy tờ
CQCapGiayTo	1	Chuỗi ký tự (T)	0	CQ cấp giấy tờ
QuyenSo	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Quyển số
ToSo	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Tờ số
ThoiGianHieuLuc	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời gian hiệu lực
DangKyThayDoiLan Thu	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Đăng ký thay đổi lần thứ

2.3.1.1.6. Mối quan hệ với tổ chức: MoiQuanHeVoiToChuc

Tên cấu trúc: MoiQuanHeVoiToChuc

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu mối quan hệ với tổ chức

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
LoaiQuanHe	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Loại quan hệ
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc(S)	2.3.1.1.1	Thông tin mã định danh tổ chức có quan hệ
ThoiGianHieuLucQuanHe	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời gian hiệu lực quan hệ

2.3.1.1.7. Mối quan hệ với cá nhân: MoiQuanHeVoiCaNhan

Tên cấu trúc: MoiQuanHeVoiCaNhan

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu mối quan hệ với cá nhân

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
LoaiQuanHe	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Loại quan hệ:
SoDinhDanhCaNhan	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Số định danh cá nhân
ThoiGianHieuLucQuanHe	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời gian hiệu lực quan hệ
ChucDanh	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Chức danh
LyDoKhongConQuanHe	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Lý do không còn quan hệ

2.3.1.1.8. Thông tin trạng thái hoạt động: ThongTinTTHD

Tên cấu trúc: ThongTinTTHD

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu trạng thái hoạt động của tổ chức

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TrangThaiHoatDong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Trạng thái hoạt động
NgayTiepTucHD	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày tiếp tục hoạt động trở lại
LyDoTiepTucHD	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Lý do tiếp tục hoạt động
SoQDThuHoi	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số quyết định thu hồi
NgayQDThuHoi	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày quyết định thu hồi
LyDoQDThuHoi	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Lý do quyết định thu hồi
Hang	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tùy theo từng đơn vị có thể có giá trị này hoặc không
PhanLoaiDL	0..1	PhanLoaiDL (T)	2.3.1.2.4	Danh mục phân loại dữ liệu
SoQDHuyQDThuHoi	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số quyết định hủy quyết định thu hồi
NgayHuyQDThuHoi	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày hủy quyết định thu hồi
LyDoHuyQDThuHoi	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Lý do hủy quyết định thu hồi
NgayChamDut	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Ngày chấm dứt
LyDoChamDut	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Lý do chấm dứt
GhiChu	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Ghi chú

2.3.1.1.9. Vốn góp: VonGop

Tên cấu trúc: VonGop

Mô tả: Cấu trúc mô tả thông tin về vốn góp của tổ chức, cá nhân

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
SoDDToChuc	1 (Chỉ lựa chọn một)	DinhDanhToChuc(S)	2.3.1.1.1	Thông tin cơ bản của tổ chức góp vốn
SoDDCaNhan		CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Thông tin cơ bản của cá nhân góp vốn

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TTVonGop	1..n	Von (S)	2.6.1.9	Thông tin vốn góp của tổ chức, cá nhân
SoGCNDKDauTu	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)
NgayGCNDKDauTu	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)
CQCapGCNDK DauTu	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)
MaDuAn	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã số dự án trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)

2.3.1.2. Cấu trúc và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.3.1.2.1. LinhVucHDKD

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục các lĩnh vực kinh doanh chính theo mã ngành cấp 1.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.1.

2.3.1.2.2. HinhThucHachToan

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục hình thức hạch toán.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.2.

2.3.1.2.3. LoaiTien

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
Ma	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã loại tiền
TenLoaiTien	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên loại tiền

2.3.1.2.4. PhanLoaiDL

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục phân loại dữ liệu.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.3.

2.3.1.2.5. LoaiNguonVonDieuLe

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục loại nguồn vốn điều lệ

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.4.

2.3.2. Thông tin kinh doanh

2.3.2.1. Cấu trúc dữ liệu

2.3.2.1.1. Giấy phép hoạt động sản xuất, kinh doanh/Chứng chỉ hành nghề: GiayPhepHDSXKDCCHN

Tên cấu trúc: GiayPhepHDSXKDCCHN

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu giấy phép hoạt động sản xuất, kinh doanh/Chứng chỉ hành nghề.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc(S)	2.3.1.1.1	Thông tin định danh của tổ chức
LoaiGPHD	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Loại giấy phép hoạt động
CQCapGPHD	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Cơ quan cấp giấy phép hoạt động
SoGPHDCCHN	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số giấy phép hoạt động/Số chứng chỉ hành nghề
HinhThucToChuc	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Hình thức tổ chức
NganhNgheKD	1..n	NganhNgheKD (S)	2.6.1.3	Ngành nghề kinh doanh
DiaDiemHanhNghe	0..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Địa điểm hành nghề
NgayHieuLucTu	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Hiệu lực từ ngày
NgayHieuLucDen	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Hiệu lực đến ngày

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
PhamViHDChuyenMon	0..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Phạm vi hoạt động chuyên môn
SoGCN	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Số giấy chứng nhận
NgayCapGCN	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày cấp giấy chứng nhận
TrangThaiGPHD	1	TrangThaiGPHD (T)	2.3.2.2.1	Trạng thái giấy phép hoạt động
LyDoThayDoiTrangThaiGPHD	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Lý do thay đổi Trạng thái giấy phép hoạt động
LinhVucHoatDong	1..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Lĩnh vực hoạt động
LinhVucHoatDongMoRong	0..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Lĩnh vực hoạt động mở rộng
Hang	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Hạng

2.3.2.1.2. Báo cáo tài chính: BaoCaoTaiChinh

Tên cấu trúc: BaoCaoTaiChinh

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu báo cáo tài chính của tổ chức.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Thông tin định danh của tổ chức
KyBaoCao	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Kỳ báo cáo
NguonVonChuSoHuu	1	Số thập phân (T)	0	Nguồn vốn chủ sở hữu
NoPhaiTra	0..1	Số thập phân (T)	0	Nợ phải trả
TSCoDinhDauTuDH	0..1	Số thập phân (T)	0	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TSLuuDongDauTuNH	0..1	Số thập phân (T)	0	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn
DoanhThuThuanBHCCDV	1	Số thập phân (T)	0	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ
LoiNhuanTruocThue	1	Số thập phân (T)	0	Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp
ChiPhi	1	Số thập phân (T)	0	Chi phí
HangTonKho	1	Số thập phân (T)	0	Hàng tồn kho
TienChiTrachoNLD	1	Số thập phân (T)	0	Tiền chi trả cho người lao động

2.3.2.2. Cấu trúc và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.3.2.2.1. TrangThaiGPHD

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục trạng thái giấy phép hoạt động

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.5

2.3.3. Thông tin về an sinh xã hội

2.3.3.1. Cấu trúc dữ liệu

2.3.3.1.1. Đóng BHXH: DongBHXH

Tên cấu trúc: DongBHXH

Mô tả: Cấu trúc dữ liệu mô tả thông tin đóng BHXH của tổ chức.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc(S)	2.3.1.1.1	Thông tin định danh của tổ chức
CoQuanBaoHiem	1	CoQuanBHXH (S)	2.6.1.8	Cơ quan bảo hiểm quản lý

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
LoaiQuyDong	1	LoaiQuyBH (T)	0	Loại quỹ bảo hiểm chậm đóng
PhuongThucDong	1	PhuongThucDong (T)	2.2.3.6.2.7	Phương thức đóng BHXH

2.3.3.1.2. Chậm đóng BHXH: ChamDongBHXH

Tên cấu trúc: ChamDongBHXH

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu thông tin chậm đóng BHXH của tổ chức.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc(S)	2.3.1.1.1	Thông tin định danh của tổ chức
SoLaoDong	1	Số tự nhiên (T)	0	Số lao động
TSTienChamDongBHXH	1	Số thập phân (T)	0	Tổng số tiền chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN
TSTienChamDongDuoi30Ngay	1	Số thập phân (T)	0	Tổng số tiền chậm đóng dưới 30 ngày
Lai	1	Số thập phân (T)	0	Lãi chậm nộp
ChiTietChamDongBHXH	1..n	ChiTietChamDongBHXH (S)	2.3.3.2.1	Thông tin chậm đóng BHXH theo từng loại quỹ bảo hiểm

2.3.3.1.3. Lao động: LaoDong

Tên cấu trúc: LaoDong

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu lao động của tổ chức

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhTo Chuc(S)	2.3.1.1.1	Thông tin định danh của tổ chức
TongSoLaoDong	1	Số tự nhiên (T)	0	Tổng số lao động
TongSoLaoDongNu	1	Số tự nhiên (T)	0	Tổng số lao động nữ
SoLaoDongTuyenMoi	1	Số tự nhiên (T)	0	Số lượng lao động tuyển dụng mới
SoLaoDongNghiViec	1	Số tự nhiên (T)	0	Số lượng lao động nghỉ việc
SoLaoDongHopDong CoDinh	1	Số tự nhiên (T)	0	Số lượng lao động hợp đồng cố định
SoLaoDongHopDong ThoiVu	1	Số tự nhiên (T)	0	Số lượng lao động hợp đồng thời vụ

2.3.3.2. Cấu trúc và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.3.3.2.1. ChiTietChamDongBHXH

Mô tả cấu trúc dữ liệu về thông tin chậm đóng BHXH của tổ chức theo từng loại quỹ bảo hiểm.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
LoaiQuyChamDong	1	LoaiQuyBH (T)	0	Loại quỹ bảo hiểm chậm đóng
SoThangChamDong	1	Số tự nhiên (T)	0	Số tháng chậm đóng
STChamDong	1	Số thập phân (T)	0	Số tiền chậm đóng

2.3.3.2.2. LoaiQuyBH

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục loại quỹ bảo hiểm.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.6.

2.3.4. Thông tin về thuế

2.3.4.1. Cấu trúc dữ liệu

2.3.4.1.1. Đăng ký thuế: DangKyThue

Tên cấu trúc: DangKyThue

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu đăng ký thuế của tổ chức.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CQTQuanLy	1	CoQuanThue (S)	2.3.4.2.2	Cơ quan thuế quản lý
LoaiNNT	1	LoaiNNT (T)	2.3.4.2.1	Loại người nộp thuế
CoHDXNK	0..1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có hoạt động xuất nhập khẩu
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Số định danh tổ chức

2.3.4.1.2. Sổ thuế: SoThue

Tên cấu trúc: SoThue

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu sổ thuế của doanh nghiệp

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
DangKyThue	1	DangKyThue (S)	2.3.4.1.1	Thông tin đăng ký thuế của doanh nghiệp
CQTPhatSinhKhoanPhaiNopNNT	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã cơ quan thuế phát sinh khoản phải nộp NNT
TuKy	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Từ kỳ phát sinh
DenKy	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Đến kỳ phát sinh
SoThueTieuMuc	1..n	SoThueTieuMuc(S)	2.3.4.2.7	Số thuế phát sinh theo từng tiểu mục

2.3.4.1.3. Sổ nợ thuế: SoNoThue

Tên cấu trúc: SoNoThue

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu sổ nợ thuế của doanh nghiệp

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
DangKyThue	1	DangKyThue (S)	2.3.4.1.1	Thông tin đăng ký thuế
MaCQTPhatSinhKhoanNo	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã cơ quan thuế phát sinh khoản nợ
KyNoTuNgay	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Kỳ nợ từ ngày
KyNoDenNgay	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Kỳ nợ đến ngày
SoNoThueTieuMuc	1..n	SoNoThueTieuMuc (S)	2.3.4.2.8	Số nợ thuế phát sinh theo từng tiểu mục

2.3.4.1.4. Cưỡng chế nợ thuế: CuongCheNoThue

Tên cấu trúc: CuongCheNoThue

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu cưỡng chế nợ thuế của doanh nghiệp

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CoQuanThue	1	CoQuanThue (S)	2.3.4.2.2	Cơ quan thuế thực hiện cưỡng chế
QuyetDinhCuongChe	1	QuyetDinh (S)	2.6.1.4	Quyết định cưỡng chế
BienPhapCuongChe	1	BienPhapCuongChe (T)	2.3.4.2.3	Biện pháp cưỡng chế
SoTienCuongCheNoThue	1	Số tự nhiên (T)	0	Số tiền cưỡng chế nợ thuế

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
LyDoCuongCheNoThue	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Lý do cưỡng chế nợ thuế
HieuLucCuongCheTu	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Hiệu lực cưỡng chế từ
HieuLucCuongCheDen	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Hiệu lực cưỡng chế đến
DangKyThue	1	DangKyThue (S)	2.3.4.1.1	

2.3.4.1.5. Tình hình thu nộp thuế xuất nhập khẩu: TinhHinhThuNopThueXNK

Tên cấu trúc: TinhHinhThuNopThueXNK

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu về tình hình thu nộp thuế xuất nhập khẩu.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CoQuanHaiQuan	1	CoQuanHaiQuan (S)	2.3.4.2.6	Cơ quan Hải quan
LoaiXNK	1	LoaiXNK (S)	2.3.4.2.4	Loại thuế xuất nhập khẩu
KimNgach	1	Số tự nhiên (T)	0	Kim ngạch
SoLuongToKhai	1	Số tự nhiên (T)	0	Số lượng tờ khai
SoThuePhaiThu	1	Số tự nhiên (T)	0	Số thuế phải thu
SoThueDaThu	1	Số tự nhiên (T)	0	Số thuế đã thu
DangKyThue	1	DangKyThue (S)	2.3.4.1.1	

2.3.4.1.6. Thông tin về kim ngạch, thuế theo hàng hóa tờ khai đã hoàn thành thông quan: ThongTinKimNgachThue

Tên cấu trúc: ThongTinKimNgachThue

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu về thông tin về kim ngạch, thuế theo hàng hóa tờ khai đã hoàn thành thông quan.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaHSHangHoa	1	MaHSHangHoa (S)	2.3.4.2.5	Mã HS hàng hóa
CoQuanHaiQuan	1	CoQuanHaiQuan (S)	2.3.4.2.6	Cơ quan Hải quan
LoaiXNK	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Loại xuất nhập khẩu
NhomLoaiHinhXNK	1	Số tự nhiên (T)	0	Nhóm loại hình xuất nhập khẩu
LoaiHinhXNK	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Loại hình xuất nhập khẩu
DonViTinh	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Đơn vị tính
KimNgach	1	Số tự nhiên (T)	0	Kim ngạch
KimNgachSoCungKy	1	Số tự nhiên (T)	0	Kim ngạch so cùng kỳ
KimNgachCoThue	1	Số tự nhiên (T)	0	Kim ngạch có thuế
KimNgachCoThueSoCungKy	1	Số tự nhiên (T)	0	Kim ngạch có thuế so cùng kỳ
LuongHangHoa	1	Số tự nhiên (T)	0	Lượng hàng hóa
TienThueXuatKhau	1	Số tự nhiên (T)	0	Tiền thuế xuất khẩu
TienThueGiaTriGiaTang	1	Số tự nhiên (T)	0	Tiền thuế giá trị gia tăng
TienThueTieuThuDacBiet	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Tiền thuế tiêu thụ đặc biệt
TienThueBaoVeMoiTruong	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Tiền thuế bảo vệ môi trường
TienThueTuVe	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Tiền thuế tự vệ
TienThueChongBanPhaGia	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Tiền thuế chống bán phá giá

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TienThueChongTroCap	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Tiền thuế chống trợ cấp
TienThueChongPhanBietDoiXu	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Tiền thuế chống phân biệt đối xử
TienThueChenhLechGia	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Tiền thuế chênh lệch giá
SoThuePhaiThu	1	Số tự nhiên (T)	0	Số thuế phải thu
TienThueTaiNguyen	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Tiền thuế tài nguyên
DangKyThue	1	DangKyThue (S)	2.3.4.1.1	

2.3.4.2. Cấu trúc và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.3.4.2.1. LoaiNNT

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục loại người nộp thuế

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.7

2.3.4.2.2. CoQuanThue

Cấu trúc mô tả dữ liệu cơ quan thuế

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
Ma	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã cơ quan thuế
TenCQT	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên cơ quan thuế

2.3.4.2.3. BienPhapCuongChe

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục biện pháp cưỡng chế.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.8

2.3.4.2.4. LoaiXNK

Cấu trúc mô tả dữ liệu loại hình xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của Quyết định 1357/QĐ-TCHQ 2021 quy định bảng mã các loại hình xuất khẩu, nhập khẩu.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaLH	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã loại hình
KhaiKetHop	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Khai kết hợp
Ten	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên
HDSD	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Hướng dẫn sử dụng
GhiChu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Ghi chú

2.3.4.2.5. MaHSHangHoa

Cấu trúc mô tả dữ liệu mã HS hàng hóa.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaHang	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã hàng
MoTaHangHoa	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mô tả hàng hóa
DonViTinh	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Đơn vị tính
Code	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Code
MoTa	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mô tả

2.3.4.2.6. CoQuanHaiQuan

Cấu trúc mô tả dữ liệu cơ quan hải quan.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
Ma	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã
TenCQHQ	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên
TrangThai	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Trạng thái

2.3.4.2.7. SoThueTieuMuc

Mô tả cấu trúc sổ thuế tương ứng với từng tiểu mục

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
PhaiNopTrongKy	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Phải nộp trong kỳ
PhaiNopTheoTTXP	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Phải nộp theo truy thu, xử phạt
MienGiam	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Miễn, giảm
XoaNo	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Xóa nợ
DaNop	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Đã nộp
DuocHoanNopThua	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Được hoàn nộp thừa
DuocHoanKhauTru	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Được hoàn khấu trừ
DaHoan	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Đã hoàn
DuCuoiKyPhaiNop	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Dư cuối kỳ: Phải nộp
DuCuoiKyNTTN	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Dư cuối kỳ: nộp thừa/ Tạm nộp
DuCuoiKyDuocHoan	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Dư cuối kỳ: Được hoàn
Chuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã chương
MaTieuMuc	1	TieuMuc (S)	2.6.1.6	Mã tiểu mục

2.3.4.2.8. SoNoThueTieuMuc

Mô tả cấu trúc của sổ nợ thuế tương ứng với từng tiểu mục.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
Chuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã chương
TieuMuc	1	TieuMuc (S)	2.6.1.6	Tiểu mục
HanNop	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Hạn nộp

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
NguonGoc	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nguồn gốc
KyHieuGiaoDich	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Ký hiệu giao dịch
NoKyTruocChuyenSang	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Nợ kỳ trước chuyển sang
NoPSTrongKy	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Nợ phát sinh trong kỳ
ThuDuocTrongThang	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Thu được trong tháng
NoChuyenKySau	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Nợ chuyển kỳ sau
TKNganSach	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tài khoản ngân sách
SoTienThueNoDauNam	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Số tiền thuế nợ đến 31/12/năm trước
SoTienThueNoDaThuDuocCuaNamTruoc	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Số tiền thuế nợ đã thu được trong tháng - Của khoản nợ năm trước
SoTienThueNoDaThuDuocCuaNamNay	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Số tiền thuế nợ đã thu được trong tháng - Của khoản nợ năm nay
SoTienThueNoDuocDieuChinhGiam	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Số tiền thuế nợ được điều chỉnh giảm (điều chỉnh giảm tờ khai, xóa nợ, gia hạn)
TinhChatNo	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tính chất nợ
LyDoPhanLoaiNo	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Lý do phân loại nợ

2.3.5. Vốn và tài sản

2.3.5.1. Cấu trúc dữ liệu

2.3.5.1.1. Tình hình cấp tín dụng: TinhHinhCapTinDungTC

Tên cấu trúc: TinhHinhCapTinDungTC

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu về tình hình cấp tín dụng của tổ chức.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Mã định danh tổ chức
MaCIC	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã CIC
SoLuongTCTDCoQH	1	Số tự nhiên (T)	0	Số lượng tổ chức tín dụng đang quan hệ

2.3.5.1.2. Vốn đầu tư của tổ chức: VonDauTuTC

Tên cấu trúc: VonDauTuTC

Mô tả: Cấu trúc mô tả thông tin vốn đầu tư của tổ chức

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Thông tin cơ bản của tổ chức
VonDauTu	1..n	Von (S)	2.6.1.9	Vốn đầu tư của tổ chức

2.3.6. Hoạt động trong các lĩnh vực

2.3.6.1. Cấu trúc dữ liệu

2.3.6.1.1. Cơ sở khám, chữa bệnh: CSKCB

Tên cấu trúc: CSKCB

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu cơ sở khám, chữa bệnh.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDinhDanhCSKCB	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Mã định danh cho cơ sở khám, chữa bệnh
HinhThucToChucCSKCB	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Hình thức tổ chức cơ sở khám chữa bệnh

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TinhTrangHoatDongCSKCB	1	TrangThaiHD (T)	2.6.2.13	Tình trạng hoạt động cơ sở khám, chữa bệnh
MoTaCSKCB	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Thông tin mô tả cơ sở khám, chữa bệnh
TuyenCMKT	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tuyến chuyên môn kỹ thuật
HangBV	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Hạng bệnh viện
PhamViHoatDongChuyenMon	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Phạm vi hoạt động chuyên môn
SoLuongGiuongBenh	1	Số tự nhiên (T)	0	Số lượng giường bệnh
LoaiHinhCSKCB	1	LoaiHinhCSKCB (T)	2.3.6.2.6	Loại hình (công/tư)

2.3.6.1.2. Cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, phổ thông: CSGDMamNonTieuHocPT

Tên cấu trúc: CSGDMamNonTieuHocPT

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, phổ thông được cấp mã định danh.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Mã định danh tổ chức tương ứng với trường
MaTruong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã trường
TenTruong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên trường
MaNhomCapHoc	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã nhóm cấp học
MaLoaiHinhTruong	1	LoaiHinhTruong (T)	2.3.6.2.1	Mã loại hình trường
MaLoaiTruong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã loại trường

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaVungKhoKhan	1	DMVungKhoKhan (T)	2.2.6.2.2.11	Mã vùng khó khăn
MaDatChuanChatLuongGiaoDuc	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đạt chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục
MaKhuVuc	1	MaKhuVuc (T)	2.3.6.2.4	Mã khu vực
MaDuAn	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã dự án
CoChiBoDang	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có chi bộ đảng
LaTruongDatChuanQuocGia	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có phải là trường đạt chuẩn quốc gia
LaTruongQuocTe	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có phải là trường quốc tế
CoHocSinhKhuyetTat	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có học sinh khuyết tật
CoHocSinhBanTru	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có học sinh bán trú
CoHocSinhNoiTru	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có học sinh nội trú
CoThuocVungDacBietKhoKhan	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có thuộc vùng đặc biệt khó khăn
CoDay2BuoiNgay	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có dạy 2 buổi/ ngày
HangTruong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Hạng trường
DatKiemDinhCapDo	1	CapDoKDTruongMN (T)	2.3.6.2.2	Đạt kiểm định cấp độ
DienTich	1	Số thập phân (T)	0	Diện tích
CoSuDungMayViTinh	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có sử dụng máy vi tính phục vụ quản lý và giáo dục trẻ

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
DuocKetNoiInternet	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Được kết nối Internet
CoHocTrucTuyen	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có tổ chức học trực tuyến?
CoDienLuoi	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có điện lưới
CoNguonNuocSach	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có nguồn nước sạch
CoCongTrinhVeSinhTheoGioiTinh	1	Kiểu nhị phân (T)	III.2.3.2.23	Có công trình vệ sinh tiện lợi và riêng rẽ cho từng giới tính?
CoChuongTrinhGiaoDucVeSinhDoiTay	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có chương trình giáo dục vệ sinh đôi tay
CoChuongTrinhGiaoDucGioiTinh	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại; cung cấp kiến thức về HIV?
MaVung	1	Vung (S)	2.3.6.2.3	Mã vùng
CoDayNghePhoThong	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có dạy nghề phổ thông
CoLopKhongChuyen	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có lớp không chuyên
CoKyNangSong	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có kỹ năng sống
CoDatChatLuongToiThieu	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có đạt chất lượng tối thiểu

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CoHaTangTiepCanHocSinhKhuyetTat	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có hạ tầng tiếp cận học sinh khuyết tật
CoBoPhanCongTacTuVanHocDuong	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có bộ phận công tác tư vấn học đường
DuThietBiDayHocToiThieu	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Đủ thiết bị dạy học tối thiểu
SoDiemTruong	1	Số tự nhiên (T)	0	Số điểm trường

2.3.6.1.3. Cơ sở giáo dục đại học: CSGDDaiHoc

Tên cấu trúc: CSGDDaiHoc

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu của cơ sở giáo dục đai học.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Mã định danh tổ chức tương ứng với trường đại học
MaCoSoDaoTao	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã cơ sở đào tạo
HinhThucThanhLap	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Hình thức thành lập (Thành lập mới/ Nâng cấp/Liên kết)
LoaiHinhTruong	1	LoaiHinhTruong (T)	2.3.6.2.1	Loại hình trường
QuyetDinhThanhLap	1	QuyetDinh (S)	2.6.1.4	Quyết định thành lập
LoaiTruong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Loại trường
DaoTaoDuBiDaiHoc	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Đào tạo dự bị đại học

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
DaoTaoGiaoVienTrinhDoTrungCap	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Đào tạo giáo viên trình độ trung cấp
DaoTaoGiaoVienTrinhDoCaoDang	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng
DaoTaoTrinhDoDaiHoc	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Đào tạo trình độ đại học
DaoTaoTrinhDoThacSi	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Đào tạo trình độ thạc sĩ
DaoTaoTrinhDoTienSi	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Đào tạo trình độ tiến sĩ
HoatDongKhongLoiNhuan	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Hoạt động không lợi nhuận
DaoTaoTheoTinChi	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Đào tạo theo tín chỉ
NamBatDauDaoTaoTheoTinChi	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Năm bắt đầu đào tạo theo tín chỉ
ToChucKiemDinh	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tổ chức kiểm định
KetQuaKiemDinh	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Kết quả kiểm định
NgayCapChungNhanKiemDinh	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày cấp chứng nhận kiểm định
ThoiGianKiemDinh	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời hạn kiểm định
MoTa	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mô tả, giới thiệu khác

2.3.6.1.4. Cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và các trung tâm khác: CSGDTXGDNNGDKhac

Tên cấu trúc: CSGDTXGDNNGDKhac

QCVN 09:2025/BCA

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu của cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và các trung tâm khác

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Mã định danh cho cơ sở giáo dục
MaTrungTam	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã trung tâm
MaNhomCapHoc	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Danh mục cấp học
MaLoaiHinhTrungTam	1	LoaiHinhCSGDTX (T)	2.3.6.2.5	Mã loại hình trung tâm
MaLoaiTrungTam	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã loại trung tâm
MaVungKhoKhan	0..1	DMVungKhoKhan (T)	2.2.6.2.2.11	Mã vùng khó khăn
MaDatChuanDanhGiaChatLuongGiaoDuc	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đạt chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục
MaKhuVuc	1	MaKhuVuc (T)	2.3.6.2.4	Mã khu vực
DienTich	1	Số thập phân (T)	0	Diện tích
ViTriBanDo	1	Số thập phân (T)	0	Vị trí bản đồ
CoSuDungMayViTinh	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có sử dụng máy vi tính phục vụ quản lý và dạy học
DuocKetNoiInternet	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Được kết nối Internet
CoDienLuoi	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có điện lưới
CoNguonNuocSach	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có nguồn nước sạch

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CoCongTrinhVeSinh	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có công trình vệ sinh
CoHaTangTiepCanHocSinhKhuyetTat	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có hạ tầng tiếp cận học sinh khuyết tật
CoBoPhanCongTacTuVanHocDuong	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có bộ phận công tác tư vấn học đường
CoGiaoDucVeGioiTinh	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có giáo dục về giới tính, xâm hại, bạo lực
CoChiBoDang	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có chi bộ đảng
CoDayKyNangSongGDXH	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có dạy kỹ năng sống giáo dục xã hội
HangTrungTam	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Hạng trung tâm
DatKiemDinhCapDo	0..1	Kiểu nhị phân (T)	0	Đạt kiểm định cấp độ
DuThietBiDayHocToiThieu	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Đủ thiết bị dạy học tối thiểu
CoLaTrungTamGDTX	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có là trung tâm giáo dục thường xuyên
CoLaTrungTamGDNNGDTX	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có là trung tâm giáo dục nghề nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên
CoDayKyNangNgoaiNgu	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có dạy kỹ năng ngoại ngữ

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CoDayKyNangUngDungCNTT	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có dạy kỹ năng ứng dụng CNTT
CoVonDauTuNuocNgoai	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Có vốn đầu tư nước ngoài

2.3.6.1.5. Cơ sở trợ giúp xã hội: CoSoTroGiupXaHoi

Tên cấu trúc: CoSoTroGiupXaHoi

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu của cơ sở trợ giúp xã hội

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Mã định danh cho cơ sở trợ giúp xã hội
QuyetDinhThanhLap	1	QuyetDinh (S)	2.6.1.4	Quyết định thành lập
NamThanhLap	1	Số tự nhiên (T)	0	Năm thành lập
LoaiHinhCoSo	1	LoaiHinhCoSo (T)	2.3.6.2.8	Loại hình cơ sở
DonViQuanLy	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Đơn vị quản lý
DoiTuongPhucVu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Đối tượng phục vụ
QuyMoTongSoNhanVien	1	Số tự nhiên (T)	0	Quy mô tổng số nhân viên
QuyMoTongSoDoiTuong	1	Số tự nhiên (T)	0	Quy mô tổng số đối tượng
TongDienTich	1	Số thập phân (T)	0	Tổng diện tích m^2

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
BinhQuanMetVuongDoiTuong	0..1	Số thập phân (T)	0	Bình quân m^2/đối tượng
BinhQuanMetVuongNhaODoiTuong	0..1	Số thập phân (T)	0	Bình quân m^2 nhà ở/ đối tượng

2.3.6.1.6. Doanh nghiệp công nghiệp: DoanhNghiepCongNghiep

Tên cấu trúc: DoanhNghiepCongNghiep

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu của doanh nghiệp công nghiệp

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Mã định danh cho doanh nghiệp công nghiệp
DienTich	1	Số thập phân (T)	0	Diện tích
QuyMo	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Quy mô
SanPhamDoDonViSanXuat	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Sản phẩm do đơn vị sản xuất
CongBoHopQuyHopChuan	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Công bố hợp quy/ hợp chuẩn

2.3.6.1.7. Công ty cung cấp nước sạch: CongTyCungCapNuocSach

Tên cấu trúc: CongTyCungCapNuocSach

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Mã định danh cho công ty cung cấp nước sạch

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TenDonViCaNhanCapNuocSach	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên đơn vị/cá nhân cấp nước sạch
SoGCN	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số giấy chứng nhận
DiaChi	1	DiaChi (S)	2.5.1.1	Địa chỉ
LinhVuc	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Lĩnh vực

2.3.6.1.8. Cơ quan báo chí in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình: CoQuanBaoChi

Tên cấu trúc: CoQuanBaoChi

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu cơ quan báo chí in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Mã định danh cho cơ quan báo chí in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình trên địa bàn
TenCoQuanBaoChi	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên cơ quan báo chí
LoaiHinhCoQuanBaoChi	1	LoaiHinhCoQuanBaoChi (T)	2.3.6.2.7	Loại hình cơ quan: In/điện tử/phát thanh/truyền hình

2.3.6.1.9. Đơn vị quảng cáo: DonViQuangCao

Tên cấu trúc: DonViQuangCao

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu của đơn vị quảng cáo.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Mã định danh của đơn vị quảng cáo

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TenDonViQuangCao	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên đơn vị quảng cáo
Logo	1	File (T)	2.6.2.18	Logo (biểu tượng đại diện cho đơn vị quảng cáo)
Slogan	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Slogan (khẩu hiệu ngắn gọn, súc tích)
DiaChiCuaDonViQuangCao	1	DiaChi (S)	2.5.1.1	Địa chỉ của đơn vị quảng cáo
DaiDienCuaDonViQuangCao	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Đại diện của đơn vị quảng cáo

2.3.6.1.10. Thông tin tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: ToChucTinDung

Tên cấu trúc: ToChucTinDung

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu của thông tin tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Mã định danh tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
MaTCTD	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
TenTCTD	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
DiaBanTCTD	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Địa bàn tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

2.3.6.2. Cấu trúc và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.3.6.2.1. LoaiHinhTruong

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục loại hình trường.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.9

2.3.6.2.2. CapDoKDTruongMN

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục cấp độ kiểm định trường mầm non.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.10.

2.3.6.2.3. Vung

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaVung	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã vùng
TenVung	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên vùng

2.3.6.2.4. MaKhuVuc

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục khu vực

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.11.

2.3.6.2.5. LoaiHinhCSGDTX

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục loại hình cơ sở giáo dục thường xuyên.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.12.

2.3.6.2.6. LoaiHinhCSKCB

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục loại hình cơ sở khám chữa bệnh.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.13.

2.3.6.2.7. LoaiHinhCoQuanBaoChi

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục loại hình cơ quan báo chí.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.14.

2.3.6.2.8. LoaiHinhCoSo

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục loại hình cơ sở trợ giúp xã hội.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.15.

2.3.7. Các vấn đề liên quan đến pháp luật

2.3.7.1. Cấu trúc dữ liệu

2.3.7.1.1. Vi phạm hành chính: ViPhamHanhChinhTC

Tên cấu trúc: ViPhamHanhChinhTC

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu vi phạm hành chính của tổ chức.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Mã định danh của tổ chức vi phạm hành chính
ViPhamHanhChinh	1..n	ThongTinViPhamHC (S)	2.2.8.1.2.1	Tham chiếu thông tin chung cấu trúc thông tin vi phạm hành chính

2.3.7.1.2. Bản án Dân sự/Hành chính/Kinh doanh thương mại/Lao động của tòa án: BanAnDSHCKDTMLD

Tên cấu trúc: BanAnDSHCKDTMLD

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu bản án dân sự/hành chính/kinh doanh thương mại/lao động của tòa án

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Mã định danh của tổ chức bị tuyên án Dân sự/Hành chính/Kinh doanh thương mại/Lao động của tòa án
AnDSHCTMLD	1..n	AnDSHCTMLD (S)	2.2.8.4.2.1	Tham chiếu thông tin chung cấu trúc bản án Dân sự/ Hành chính/Kinh doanh thương mại/Lao động của tòa án

2.3.7.1.3.Bản án/Quyết định hình sự của Tòa án: BanAnHinhSu

Tên cấu trúc: BanAnHinhSu

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu bản án/quyết định hình sự của Tòa án

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Mã định danh của tổ chức bị tuyên án hình sự
AnHinhSu	1..n	AnHinhSu (S)	2.2.8.4.2.2	Tham chiếu thông tin cấu trúc của bản án hình sự

2.3.8. Tình hình đầu tư và thu hút vốn đầu tư

2.3.8.1. Cấu trúc dữ liệu

2.3.8.1.1. Đầu tư ra nước ngoài: DauTuRaNuocNgoai

Tên cấu trúc: DauTuRaNuocNgoai

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu đầu tư ra nước ngoài của tổ chức

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Mã định danh của tổ chức thực hiện đầu tư ra nước ngoài
QuocGiaNhanDauTu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Quốc gia tiếp nhận đầu tư
ThoiHanHoatDong	1	Số thập phân (T)	2.6.1.1	Thời hạn hoạt động sản xuất - kinh doanh (năm)
LinhVuc	1	LinhVucHDKD (T)	2.3.1.2.1	Lĩnh vực hoạt động sản xuất - kinh doanh
HinhThuc	1	HinhThucDauTu (T)	2.3.8.2.1	Hình thức đầu tư
TongVonPhapDinh	1	Số thập phân (T)	0	Tổng vốn pháp định
GiaTriVonGop	1	Số thập phân (T)	0	Giá trị vốn góp của bên Việt Nam
ChuyenLoiNhuan	1	Số thập phân (T)	0	Chuyển lợi nhuận và các khoản thu nhập hợp pháp có từ hoạt động đầu tư ở nước ngoài của doanh nghiệp về Việt Nam

2.3.8.1.2. Thu hút vốn đầu tư: ThuHutVonDauTu

Tên cấu trúc: ThuHutVonDauTu

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu thu hút vốn đầu tư của tổ chức

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
ToChucDuocDauTu	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Tổ chức được đầu tư

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
ThongTinNhaDauTuNuocNgoai	0..n	ThongTinNhaDauTuNuocNgoai (S)	2.3.8.2.2	Nhà đầu tư nước ngoài
NhaDauTuVietNam	0..n	ThongTinNhaDauTuVietNam (S)	2.3.8.2.2	Nhà đầu tư Việt Nam

2.3.8.2. Cấu trúc dữ liệu tham chiếu

2.3.8.2.1. HinhThucDauTu

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục hình thức đầu tư.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.16

2.3.8.2.2. ThongTinNhaDauTuVietNam

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc(S)/kiểu(T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
DinhDanhToChuc	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Định danh tổ chức
TyLeVonGop	0..1	Số thập phân (T)	0	Tỷ lệ góp vốn
ThongTinDuAnDauTu	0..n	ThongTinDuAnDauTu (S)	2.3.8.2.4	Thông tin dự án đầu tư
HinhThucDauTu	1..n	HinhThucDauTu (T)	2.3.8.2.1	Hình thức đầu tư

2.3.8.2.3. ThongTinNhaDauTuNuocNgoai

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu về nhà đầu tư nước ngoài

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc(S)/ kiểu(T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TenNhaDauTu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Địa chỉ nhà đầu tư nước ngoài

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc(S)/ kiểu(T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
DinhDanhToChuc	0..1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Định danh tổ chức
DiaChiNhaDauTu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Địa chỉ nhà đầu tư nước ngoài
QuocGia	1	QuocGia (T)	QCVN 109:2017/BTTTT	Quốc gia của nhà đầu tư nước ngoài
TyLeVonGop	0..1	Số thập phân (T)	0	Tỷ lệ góp vốn
ThongTinDuAnDauTu	0..n	ThongTinDuAnDauTu (S)	2.3.8.2.4	Thông tin dự án đầu tư
HinhThucDauTu	1..n	HinhThucDauTu (T)	2.3.8.2.1	Hình thức đầu tư

2.3.8.2.4. ThongTinDuAnDauTu

Mô tả: Cấu trúc mô tả về thông tin dự án được đầu tư

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc(S)/ kiểu(T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TenDuAn	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên dự án đầu tư
MucTieu	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mục tiêu dự án
DiaDiemThucHien	0..1	DiaChi (S)	2.5.1.1	Địa điểm thực hiện dự án
TongVonDauTuBanDau	0..1	Số thập phân (T)	0	Tổng vốn đầu tư ban đầu
TongVonDauTuHienTai	0..1	Số thập phân (T)	0	Tổng vốn đầu tư hiện tại

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc(S)/ kiểu(T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
ThoiHanHoatDong	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời hạn hoạt động của dự án
UuDai	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Ưu đãi đối với dự án

2.3.9. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

2.3.9.1. Cấu trúc dữ liệu

2.3.9.1.1. Đối tác quốc tế trong hoạt động khoa học công nghệ: DoiTacQuocTeTC

Tên cấu trúc: DoiTacQuocTeTC

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu về đối tác quốc tế trong hoạt động khoa học công nghệ của tổ chức

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc(S)/kiểu(T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
DoiTacQuocTe	0..n	DoiTacQuocTe (S)	2.3.9.2.4	Danh sách đối tác quốc tế của tổ chức
DinhDanhToChuc	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Định danh tổ chức

2.3.9.1.2. Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ: KetQuaHoatDongKHCN

Tên cấu trúc: KetQuaHoatDongKHCN

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc(S)/ kiểu(T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
QuyenSoHuuTriTue	0..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Thông tin về quyền sở hữu trí tuệ bao gồm: Quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc(S)/ kiểu(T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
				công nghiệp (Sáng chế, giải pháp hữu ích; kiểu dáng công nghiệp; thiết kế bố trí Mạch tích hợp bán dẫn; giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu; chỉ dẫn địa lý); giống cây trồng.
SangKienDuocCongNhan	0..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Sáng kiến được công nhận
TongSoSanPhamCongNgheDuocUngDung	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Tổng số sản phẩm công nghệ được ứng dụng
CongBoQuocTe	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Tổng số công bố quốc tế của tổ chức
CongBoTrongNuoc	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Tổng số công bố trong nước trên các bài báo, tạp chí, kỷ yếu khoa học,...
ChuyenGiaoCongNghe	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Tổng số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện trong năm.
KetQuaHoatDongKHCN	0..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Các kết quả hoạt động khoa học và công nghệ khác.
DinhDanhToChuc	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	

QCVN 09:2025/BCA

2.3.9.1.3. Tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: ThamGiaHDNCKHCN

Tên cấu trúc: ThamGiaHDNCKHCN

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu về tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDTC	0..1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Thông tin về mã định danh của tổ chức khoa học và công nghệ và tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 05/2021/TT-BKHCN.
LoaiHinhToChuc	1	LoaiHinhToChucToChucKHCN (T)	2.3.9.2.2	1. Thông tin về loại hình được gán mã như sau: - Mã số 1: Tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ - Mã số 2: Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
				- Mã số 3: Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ 2. Doanh nghiệp 3. Tổ chức khác
HinhThucSoHuu	1	HinhThucSoHuuToChucKHCN (T)	2.3.9.2.3	Thông tin về hình thức sở hữu được gán mã như sau: - Mã số 1: Công lập - Mã số 2: Ngoài công lập - Mã số 3: Có vốn nước ngoài
LinhVucNghienCuu	1..n	LinhVucNghienCuu (T)	2.3.9.2.1	Danh mục lĩnh vực nghiên cứu
TongSoGiaoSu	1	Số tự nhiên (T)	0	Tổng số Giáo sư.
TongSoPhoGiaoSu	1	Số tự nhiên (T)	0	Tổng số Phó Giáo sư.
TongSoTienSi	1	Số tự nhiên (T)	0	Tổng số Tiến sĩ.
TongSoThacSi	1	Số tự nhiên (T)	0	Tổng số Thạc sĩ.
TongSoNhanLucCoTrinhDoDaiHoc	1	Số tự nhiên (T)	0	Tổng số nhân lực có trình độ Đại học.
TongSoNhanLucCoTrinhDoCaoDang	1	Số tự nhiên (T)	0	Tổng số nhân lực có trình độ Cao đẳng.
TongSoNhanLucKhac	1	Số tự nhiên (T)	0	Tổng số nhân lực khác

2.3.9.1.4. Thành viên tổ chức quốc tế trong hoạt động khoa học công nghệ: ThanhVienToChucQuocTe

Tên cấu trúc: ThanhVienToChucQuocTe

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu tổ chức là thành viên của tổ chức quốc tế trong hoạt động khoa học công nghệ

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu(T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
ThamGiaToChucQuocTe	0..n	ThamGiaToChucQuocTe (S)	2.3.9.2.5	Tên tổ chức quốc tế
MaDDTC	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Thông tin định danh tổ chức

2.3.9.2. Cấu trúc dữ liệu tham chiếu

2.3.9.2.1. LinhVucNghienCuu

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.17.

2.3.9.2.2. LoaiHinhToChucToChucKHCN

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo Danh mục loại hình tổ chức khoa học công nghệ.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.18.

2.3.9.2.3. HinhThucSoHuuToChucKHCN

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo Danh mục hình thức sở hữu tổ chức khoa học công nghệ.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.2.19.

2.3.9.2.4. DoiTacQuocTe

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TenDoiTac	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên đối tác
NamThamGia	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Năm tham gia
NoiDungHopTac	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nội dung hợp tác

2.3.9.2.5. ThamGiaToChucQuocTe

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc(S)/kiểu(T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TenToChucQuocTe	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên tổ chức quốc tế
NamThamGia	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Năm tham gia
HinhThucThamGia	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Hình thức tham gia

(Xem tiếp Công báo số 353 + 354)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng